

# Tập Họp Tuổi Trẻ Lên Đường

**N**gười ta có thể nói, thời đại sao Hỏa hôm nay là thời đại của hầu hết mọi lứa tuổi trẻ hăng say có đầu óc mạo hiểm phiêu lưu, và sớm có ý thức tinh thần xông pha dần thân nhập cuộc.

Nói chung về mọi mặt, tuổi trẻ bỗng bột hiên ngang dồi dào sinh lực sẽ sẵn sàng hi sinh để đứng lên bảo vệ mọi phúc lợi đem về cho xã hội con người. Và nếu cần, tuổi trẻ sẽ biết tận dụng hết tất cả mọi khả năng hầu để đẩy lên được ngọn sóng thần với mưu toan vượt qua chướng ngại, chuyển xoay tình huống. Bên cạnh đó, là trong bối cảnh thời đại văn minh tiến bộ vượt bậc của khoa học không gian đã có đạt được những bước tiến bộ ngoạn mục, thì thêm một lần nữa, người ta cũng đã hiểu ra rằng bây giờ là thời kỳ mà con người biết tự mình có thể chấp cánh bay xa chứ không còn chạy bộ dính liền giữa đôi chân và mặt đất.

Trong tinh thần đó, người ta cần nên theo dõi mọi sự khám phá của các nhà thiên văn thường cho biết trong mỗi ngày trên dãy ngân hà này, nếu có một ngôi sao tắt thì cũng đã có nhiều ngôi sao mới vừa xuất hiện sáng chói ở bầu trời vũ trụ. Trên thế gian của loài người cũng vậy, con số người được sinh ra càng ngày càng nhiều hơn là con số tử vong. Kể cả trường hợp của các loài cỏ cây hoa lá, nếu không bị sức tiến của con người tàn phá, thì cõi hành tinh từ hàng triệu năm qua cũng đã bị tình trạng rừng rậm xâm thực phủ đầy. Và trái đất to bự ngày xưa, thì nay cũng đã lần hồi bị thu hẹp lại do tình trạng nhân mãn quá tải của con người tranh nhau tìm đất sống. Chính vì vậy mà thực tế bây giờ không ai còn có thể nói một cách chắc nịch, là cuộc sống tương lai của mình sẽ vĩnh viễn định cư ở trong một ngõ hẹp nào.

Như trường hợp của dân ta mới ngày nào từ ở Động-Đình-Hồ, vì bị nạn ngoại xâm phương Bắc mà phải đành lùi dần về phía phương Nam để bảo vệ sự sinh tồn, thay vì vô phước phải chịu cảnh đồng hóa như các lân bang quanh vùng ảnh hưởng của bá quyền Hán tộc. Do vậy, ngày xưa khi xa quê hương thì tổ tiên ta đã phải cam chịu bao cảnh xót xa đau khổ biết bao lần, y hệt như là tâm trạng hoàn cảnh của cộng đồng *người Việt-Nam ở nước ngoài* của chúng ta hôm nay cũng vậy. Tuy nhiên, nếu nói thực tế về sự khác biệt giữa hai khoảng cách không gian quá xa xôi, thì thời đại văn minh bây giờ giúp cho người ta thấy mình có nhiều cơ hội lợi thế hơn về mọi mặt, để nếu muốn mưu toan dự phóng hành động vào trong bất cứ lãnh vực nào. Do vậy, ước mơ trước hết của bất cứ người Việt-Nam nào bây giờ đang ở nước ngoài mà không muốn cho cộng đồng mình có được một hình ảnh tốt đẹp, khởi sắc, hầu để cùng nhau gắn bó nghĩa tình dân tộc một cách

thủy chung khi tất cả cùng chung sống bên nhau ở đất khách quê người.

Và dấu cho trong thế hệ vài đời người tuy ngắn thật, song theo với tốc độ vận hành khoa học của thời gian thì người ta cũng đã sưu tầm thấy có xảy ra biết bao nhiêu chuyện biến thiên như nào là vật đổi sao dời, nào là phế tích của những nền văn minh hủy hoại. Và nếu người ta biết sáng suốt hơn để gạt bỏ ra ngoài những quan niệm trừu tượng, phi lý thì cuộc đời này sẽ không bao giờ có giá trị vĩnh hằng. Còn lại, chỉ có tinh anh của con người mới đáng thực là trân trọng. Do vậy, cho nên nếu từ lâu có người nói rằng sắc thái của dân tộc ta không bén nhạy vì vốn không có đầu óc phiêu lưu, mạo hiểm như các dân tộc văn minh khác nhờ có yếu tố đại dương, thì quả thật là khe khát! Tại sao người ta không thực tế để dựng lên những tấm gương của các quốc gia cũng có hoàn cảnh địa dư ven biển khác, cũng ở gần đường xích đạo, để nhìn thấy và phân tích quá trình mở mang tiến hóa của loài người phát triển tùy vùng và tùy thời đại. Chính nền văn minh ở Địa-Trung-Hải, ở Trung-Đông đã có tác dụng ảnh hưởng vào văn minh Âu-Mỹ. Cũng như trước khi Nhật-Bản vươn mình cất cánh, tiếp cận với kỹ thuật khoa học hiện đại phương Tây, thì ở tại Á-Châu cũng đã có những nền văn minh lớn như Ấn-Độ, Trung-Quốc. Còn Việt-Nam của chúng ta tuy có yếu tố địa dư bể cả, nhưng lại bị định mệnh quá phũ phàng vì phải lo chinh chiến triền miên với nạn ngoại xâm. Ở đây, chúng ta không có tinh thần tự ti mặc cảm để khẳng định lại, là một tập thể trí não của người Việt không thể là một tập thể trí não của người Hà-Lan, Thụy-Sĩ, lại càng không phải là một tập thể trí não của người Nhật-Bản, Do-Thái v.v... Nói cho công bằng, thực tế trước mắt là chúng ta hãy đem ra các nguyên nhân hậu quả về những yếu tố chủng tử di truyền ở trên nước Mỹ. Và sau đó, thử nhìn vào mà so sánh giữa bộ óc của tập thể da đen với da trắng, để đánh giá sự sai biệt của thiên nhiên khi vô tình cấu tạo nên hình hài cơ thể của từng chủng tộc loài người. Dấu sao, sự kiện có lắm kẻ phiến muộn tự vấn trong hàng ngũ của cộng đồng từ lâu cho là đã từng có nhiều bước tiến thành công ngoạn mục, nhưng đến nay, vẫn chưa thấy xuất hiện ra bóng dáng của những con người hiền khả kính để quy tụ tinh người ly hương về cùng một mối?

Nếu những ai còn nhiệt tình phân vân điều đó, thì tại sao không chịu thành tâm mà suy nghĩ lại. Là cả đất nước của chúng ta từ thuở bắt đầu dựng nên sự tích "*Hùng Vương*" tới lúc hưng thịnh, hùng cường với bản tuyên ngôn độc lập "*Nam quốc sơn hà Nam đế cư*", tới lúc trống kèn thúc quân, hò hét vang trời đặng đặng sát khí của "*Hịch Tướng Sĩ*", tới lúc đánh thức tinh thần quật khởi với lời hiệu triệu oai phong, lẫm liệt của "*Binh Ngô Đại Cáo*". Và cho đến thời kỳ chính thức khai sinh ra quốc hiệu "*Việt-Nam*" muôn thuở, thì

cũng chỉ mới đếm được trên đầu ngón tay có những vị minh chủ vẹn toàn đức độ, trí dũng song toàn đã từng làm cho ngoại bang phải kinh hồn vỡ mật. Và những chứng tích của trụ đồng Đông-Hán nào ai còn tìm thấy ngoài hình ảnh oanh liệt phi thường của những vị anh hùng tài giỏi binh thư, câu thơ yên ngựa tuốt gươm thiêng đánh đuổi giặc xâm lăng v.v... Trái lại, còn về phần cộng đồng của chúng ta thì đại đa số đã xa xứ chỉ có mấy thập niên qua mà lại phải đa đoan nhiều công việc quá nhọc nhằn. Và cũng từ do ở sự kiện hoàn cảnh này, mà khiến cho chúng ta phải bù ngùi hồi tưởng lại thương cho hình ảnh thân phận của tổ tiên dân tộc mình bé nhỏ khi xưa, đã phải lùi dần gót chân trước đường tiến quân hung hăng của kẻ địch, để mong sao bảo vệ được sự sinh tồn cho nòi giống. chín mùi muối

*Cộng đồng người Việt-Nam ở nước ngoài của chúng ta hôm nay cũng vậy.*

Đứng trước chân trời mở rộng tương lai quá ngỗ ngàng, sau cơn giông tố bão bùng lo sợ, chúng ta đã khẳng định lại được hướng đi gập ghềnh trên sỏi đá, có lắm khi mỗi mệt mà không tìm được một phút nghỉ ngơi. Chường ngại vật được nhìn thấy rõ đó là lòng ích kỷ, đứng trước ranh giới chấp mê mà không tìm được lối thoát ra, đôi khi, còn ý lại trông chờ vào yếu tố cứu trợ của thời gian chín mùi. Hi vọng rằng thể hệ cộng đồng kiều bào hải ngoại mai sau sẽ phát cao hơn ngọn cờ dân tộc, làm nên được những cái gì xứng đáng hơn là thể hệ của cha anh, chỉ có khả năng làm thân phận lót đường cho tương lai tuổi trẻ.

Mến yêu cộng đồng chân thành, chúng ta nên cùng nhau thực thà tâm niệm nghĩ suy như vậy để đừng ngủ quên trên vật chất giả tạo, xa hoa có sức hút muôn ngàn cám dỗ. Hãy tìm cách hiến dâng cho cộng đồng có thêm nhiều danh dự hương thơm, để tự chuộc lại mọi thiếu sót về nghĩa vụ cũng như lỗi lầm nếu có của những đứa con dân tộc. Những đứa con bất hạnh này ngày nay không có nhiều may mắn sống trong lòng đất quê hương, để cùng với đồng bào ruột thịt chia sẻ những nỗi vui buồn xứ sở. Và cũng để còn được bao năm mấy thuở, hưởng mát về quê cũ nhìn lại hình ảnh thân thương của người mẹ hiền ôm ru con bên tiếng võng trưa kéo kẹt giữa mùa hè:

*À ơi!...*

*Gió Động-Đình mẹ ru con ngủ*

*Trăng Tiên-Đường áp ủ năm canh*

*Tiết trời Thu lạnh lành lành*

*Cỏ cây khóc Hạ, hoa cành thương Đông*

*Bóng bông bông, bóng bông bông*

*Võng đào mẹ bế con Ròng cháu Tiên...*

Niềm kiêu hãnh hoành tráng đó đã được đặt vào trong tương lai, mà hôm nay, tất cả bộ phận thành viên trong cộng đồng của chúng ta đều thành người. Tuy sống ở phương xa, mà tâm hồn lúc nào cũng có ý thức trở về nguồn với tấm lòng thành tâm vọng quốc. Trong cơn mê, chúng ta

nhìn thấy dạng bóng quê hương bên làng xưa phố cũ. Ôi! Thương biết mấy khi nhớ lại hình ảnh người mẹ gầy đau khổ bệnh hoạn, chiếc áo rách vai màu mốc của người cha vất vả ướt đẫm mồ hôi v.v... Đất nước của chúng ta tuy có núi cao, đồng rộng, sông dài, bể cả mệnh mông song định mệnh của dân tộc thì thật là oái oăm, khắc nghiệt. Nhưng cổ nhân ta thường nói: *"Gia bản tri hiếu tử"* (*Nhà nghèo mới biết con hiếu thảo*). Vậy thì có lẽ nào chúng ta lại toại nguyện với cuộc đời trong nệm ấm, chăn êm nơi đất khách, mà sớm vội quên đi hậu quả của những vết thương chiến tranh xứ sở hãy còn tồn tại gieo nhiều đau khổ cho dân lành?

Và bây giờ, mỗi khi đứng trước bàn thờ tổ quốc hướng về hồn thiêng sông núi nước nhà, thì trước phút trang nghiêm đốt nén hương trầm cầu nguyện cho thanh bình, hạnh phúc dân tộc, thì chúng ta hãy trân trọng cùng nhau có những *lời thể cao quý* mang ý nghĩa giá trị thủy chung, cao thượng của tình huynh đệ kết đoàn. Và có tinh thần vô địch, hi sinh để xác định lại khả năng, tư thế của cá nhân mà tích cực đóng góp ít nhiều vào cho phúc lợi của xã hội cộng đồng dân tộc.

*Hãy dọn đường cho tuổi trẻ hiền ngang chí lớn tiến lên như đoàn quân dũng mãnh, hăng hái xông pha ra trận mạc, mà chúng ta thuộc thành phần thế hệ cha anh đã đến lúc cần phải biết tránh đường cho bước Voi đi. Chỉ có thế hệ trẻ mới có thể còn đủ điều kiện yếu tố thời gian để mưu cầu nghiệp cả, và chính họ mới là người cần phải được trang bị cho những bản nhạc hành khúc để lên đường. Chối bỏ mọi sự đào thải già nua, bất lực của chính mình và xem thường khả năng của thế hệ mầm non thiếu được sự hướng dẫn đầy đủ đó, thì tức là chúng ta đã vô tình tiếp tay cho ngoại cảnh xã hội thui chột cạn mòn tiềm lực của giống nòi trên xứ lạ.*

Sau cùng, tác giả ân cần gói gọn mấy lời tâm sự cùng những người bạn trẻ mến yêu! Là các bạn đừng quên, đã có rất ít nhân vật phi thường trở thành danh nhân, hào kiệt trên quê hương của chính mình. Trường hợp khi xưa như tướng quân Hàn-Tín thuở hàn vi cũng đã từng phải chịu nhục *lòn trốn giữa chợ*, để rồi sau đó chốn tha phương rạng mặt anh hùng. Hay *bụt ở nhà không thiêng* là những câu nói bao hàm nhiều ý nghĩa. Do vậy, cộng đồng hải ngoại của chúng ta sau này có thể tránh được những bước sẩy chân hay không là còn tùy thuộc vào mức độ nồng nàn thành khẩn phục thiện, cầu tiến học hỏi của mỗi cá nhân, để sáng suốt kịp thời khám phá nhận diện nhân tài mà tìm nhau hợp tác. Trong tinh thần đó, các bạn phải cố gắng tự chứng tỏ được sự trưởng thành của mình về tâm hiểu biết phổ thông đại chúng, để lột bỏ mọi cảm quan dị ứng mất bình tĩnh, thiếu sự suy nghĩ cân bằng để bị đưa vào trạng thái thụ động về phong độ. Các bạn phải thận trọng khi điều tra, nghiên cứu tài liệu lịch sử,

và hãy cân nhắc dẫn đo tìm hiểu giá trị nhân cách vô tư chân chính của các tác giả, để khỏi bị vô tình làm lạc vào trong những ý đồ *giết sử* của người viết sử. Các bạn cần phải lưu tâm cụ thể phân biệt, là bản sắc cộng đồng *người Việt-Nam ở nước ngoài* hôm nay không còn là bản sắc của những con người Việt-Nam chính tông ở từ trong nước. Nó thực sự đã bị lai căng phá sản, trộn pha bởi những làn sóng bản sắc giao lưu và hợp lưu được ảnh hưởng của màu sắc tôn giáo, tập tục địa phương v.v... và có nguy cơ mất gốc\*. Nói gọn là bị đắm chìm vào nền văn hóa đa nguyên trong xã hội toàn cầu, có giá trị về mặt tinh thần đương đại trong xã hội duy lý của phương Tây, duy thần của Á-Rập, duy linh của Ấn-Độ và duy tâm của Trung-Quốc. Chính vì vậy mà các bạn có thể nghĩ ngay ra tới ở tương lai, dù muốn dù không, rồi đây cũng sẽ phải có một hình thức bản sắc biến thể để tạo thành nên bản sắc duy Việt cho tập thể kiều bào.

*Đó cũng là điểm tựa cuối cùng, để cho bản sắc tinh thần của thiểu số cộng đồng Người Việt-Nam Ở Nước Ngoài còn có dịp được tồn tại bằng sự kết tinh do định mệnh vô tình của lịch sử.*

Còn nữa, ước mong các bạn hãy xem mọi cận bã của phú quý vinh hoa giữa đời gió bụi, vật chất phù du này như là những cái gì sẽ làm cho đau khổ con người, nếu không có được chen vào những tư tưởng thăng hoa giá trị của ý nghĩa tinh thần chuyển hoá tâm linh, đổi đời bằng cuộc sống an nhiên tự tại. Là những kẻ hậu sinh, mặc dù không có được diễm phúc, để vinh hạnh được chào đời trên mảnh đất tổ tiên của mẹ cha. Nhưng chắc chắn các bạn sẽ có dịp, được làm một thử chứng nhân thời đại có giá trị hùng hồn thực tiễn ở tại những xứ giàu có được coi như là văn minh lắm thế lực tiền tài, lúc nào cũng thừa khả năng để làm nên lịch sử cho các quốc gia nghèo khổ, chậm tiến. Và, hơn thế nữa, nói rộng thêm ra thì chúng ta phải thành thật cùng nhau cúi đầu đau đớn khi nhìn lại số phận hẩm hiu của những quốc gia nhược tiểu hiện nay trên thế giới, chỉ có quyền nói đến chuyện tự chủ, tự quyết dân tộc ở trên đầu môi chót lưỡi mà thôi.

Nhớ lại khi xưa lúc chiến cuộc Việt-Nam sắp tàn, thì tình hình chính trị nội bộ ở tại quốc gia bại trận Hoa-Kỳ cũng vẫn còn được hâm nóng lại bằng những tia hi vọng trong mưu đồ bá quyền kinh tế khác. Đó là hình ảnh sôi nổi trong phiên họp cuối cùng của Quốc-Hội Hoa-Kỳ quay sang bàn thảo về những quyết định về ngân sách chiến lược quân sự quốc phòng, đặc biệt có liên quan trực tiếp tới chiến tranh tại Việt-Nam đã xảy ra trước biến cố mùa Xuân lịch sử năm 1975. Và khi được các đại biểu lên diễn đàn chất vấn, tại sao cho tới giờ phút này mà chúng ta chưa chịu rút lui hẳn người Mỹ sau cùng ra khỏi miền Nam Việt-Nam. Ngay lập tức, thì người đứng đầu chính sách ngoại giao của họ, lúc bấy giờ, với tư cách là

diễn giả điều trần đã ôn tồn giải thích trả lời công khai bằng với những ngôn từ thường xuyên tế nhị ở nghị trường: - *Hãy chờ kết quả tổng hợp, công bố chính xác về các công trình thăm dò nghiên cứu khai thác giếng dầu ở ngoài khơi thềm lục địa của bán đảo Đông-Dương...*

Và sau một thời gian cần thiết khá dài vừa đủ để chịu khó tìm tòi nguồn tài nguyên quý báu ở dọc biển Đông, thì thực tế chỉ đưa đến cho họ một sự thất vọng. Lý do, vì bôn trăm tích mỡ dầu thuộc chủ quyền Việt-Nam khi đem so sánh với các khu vực khác thì quá nhỏ. Và được các chuyên gia ví như là hình ảnh của một giọt nước trong cái chậu to, cho nên không thể có đủ khả năng để khai thác ra tầm thương mại lớn.

*Đó là một trong những lý do chính yếu, để cho Hoa-Kỳ thay đổi chiến lược toàn cầu ở vùng biển Thái-Bình và rút lui ra khỏi đất nước Việt-Nam.*

Rút kinh nghiệm bài học lịch sử đã trôi qua, và hiện nay, đứng vào lúc mà các quốc gia hùng mạnh trên thế giới ngày càng bành trướng thế lực của mình sang qua bằng nhiều hình thức khác ở quanh vùng Đông-Nam-Á. Do vậy, mà Việt-Nam với vị trí địa dư lãnh hải đặc biệt, thì lúc nào cũng được coi như là đầu cầu chiến thuật của các siêu cường \*\*. Nhất là, đứng lúc ở vào thời điểm bén nhạy có nhiều sự tranh chấp về thềm lục địa của hầu hết tất cả các quốc gia có chủ quyền - song song theo với mưu đồ ma giáo sâu độc *lộng giả thành chân, mưa dầm thấm đất* của bá quyền Trung-Quốc muốn chiếm trọn hết cả các hải đảo ở biển Đông - sau khi ngang nhiên xua quân thôn tính toàn bộ quần đảo Hoàng-Sa năm 1974 và Gạc-Ma, Cô-Lin, Len-Đao ở Trường-Sa năm 1988. Các hải đảo này, từ bao đời vốn là đất đai máu thịt trực thuộc chủ quyền của nước Việt-Nam đã chính thức có đầy đủ chứng tích lịch sử và cơ sở pháp lý quốc tế không thể tranh cãi \*\*\*.

Tuy nhiên, hơn bao giờ hết, vì Việt-Nam chúng ta từng là một quốc gia nạn nhân của sự nô lệ dưới ách thế lực ngoại xâm bạo ngược *nhưng bài học ngàn xưa dành cho quân thù còn nhớ!* Đó là lòng nhân nghĩa bao dung cao thượng của dân ta, sau khi chém đầu tướng giặc thì lại dựng bia thờ khí phách tinh anh vốn là hồn thiêng trăn trọng của con người. Và người dân ta luôn luôn bao giờ cũng hết sức tự hào về quốc sách hữu hiệu bảo vệ non sông đất nước của tổ tiên đã biết uyển chuyển kiên trì, động viên khai thác tính ưu việt sức mạnh mềm của toàn thể quốc dân đồng bào để làm sức bật, để phát huy nội lực dùng làm khí thế tối hậu ứng phó trong cơn nguy biến. Vì thế cho nên, dân tộc ta bây giờ có truyền thống khát vọng yêu chuộng hòa bình, tự do, công lý. Và tôn trọng tinh thần hữu nghị, giao lưu hợp tác lâu bền cùng với hầu hết tất cả các quốc gia ở khắp bốn bề năm châu.

Trong hoàn cảnh đó, cộng đồng *Người Việt-Nam Ở Nước Ngoài* cần phải sớm có ý thức mới về *tinh thần trách nhiệm lịch sử liên đới* của mình. Chúng ta phải cố gắng quyết tâm chung sức cùng nhau để gieo, trồng, vun, xới lại mảnh đất khô héo của cộng đồng, để cho kịp với cơ hội thuận mùa cỏ cây đâm chồi nảy lộc, nở hoa tươi trên xứ lạ. Bằng ngược lại, sự trễ hẹn sẽ làm cho sức sống của cộng đồng bị rơi vào tình trạng dậm chân và có thể tiếp tục đi theo những bước thụt lùi. Tuy nhiên, nói như thế không có nghĩa là chúng ta đã mất đi niềm tin trọn vẹn cho tương lai tươi sáng của cộng đồng, và bị lẫn lộn với những hình ảnh của môi trường thụ động, tiêu cực. Ngược lại, chính ý thức cảnh giác đó mới lại là một thứ khí giới vô cùng lợi hại sẽ hun đúc tâm hồn cho hầu hết tất cả mọi người của chúng ta.

Và sau cùng, sẽ bật ra thành được ngọn lửa thiêng soi đường cho tập thể.

Chúng ta vừa đã trải qua những năm tháng ngày kỷ niệm hân hoan của nhân loại đang đứng trên đỉnh đầu của thiên niên kỷ thứ 3. Trên dãy ngân hà cũng vừa ló dạng những vì sao lạ. Dưới bóng thế gian thêm một thế hệ tương lai con cháu của chúng ta ở nước ngoài vừa mới ra đời bên thềm thế kỷ 21. Một trang sử mới sẽ được thành hình. Và giá trị của thời gian bây giờ, là sự tiến bộ vượt bậc của con người đã góp phần cộng tác, giao lưu hữu hiệu tạo nên một nền trật tự an sinh xã hội văn minh cho cộng đồng thế giới.

Là người xa xứ sống nhờ đất khách, chúng ta cần phải hiểu được nhiều hơn thế nào là tình đồng hương, nghĩa đồng bào đang cùng chung lỡ bước sa chân trong cảnh ngộ tha phương! Vậy chúng ta nên phải quyết tâm cố gắng sớm vượt qua trở ngại mà tìm nhau kết đoàn, để thể hiện qua mỗi tình tương thân, tương trợ thể theo bản sắc tinh thần đùm bọc keo sơn cố hữu "*nhĩều điều phủ lấy giá gương*" của dân tộc.

Và cùng lúc, cũng để làm hâm nóng lại từng những hình ảnh tiêu biểu có giá trị mang ý nghĩa tinh thần hòa hợp anh em, chứa chan màu sắc sâu đậm tình người trong quá trình sinh hoạt tập thể của cộng đồng đã có từ lâu. Hơn thế nữa, mục đích đó còn để nhằm vào sự duy trì cơ hội hội tụ hàn huyên giữa kiều bào trên xứ lạ, để cho tình đồng hương trong sáng còn có thêm được dịp cận kề, để hầu cùng nhau chia sẻ cho tròn bao nỗi ân tình ngọt bùi cay đắng! Ngoài ra, tuy ở chân trời nghìn trùng xa cách nhưng tất cả chúng ta bao giờ cũng vẫn nhớ quê nhà muôn thuở. Và tâm hồn trong mỗi con người, lúc nào cũng còn nặng mang canh cánh ở trong lòng một niềm hoài vọng cổ hương.

Con lộ hướng về phụng sự tổ quốc "*Việt-Nam*" theo tiếng gọi của hồn thiêng sông núi cần phải được chuẩn bị gói ghém hành trang, để sẵn sàng cất bước lên đường cùng với những bản đàn, tiếng hát. Và chỉ còn chờ có sự xuất hiện kịp

thời của người nhạc sĩ *biết ra tay* khai đúng nhịp điệu, âm thanh.

Chúng ta tiếp tục khởi hành, và chúng ta cả tin vào niềm hi vọng...\*\*\*\*

**An-Tiêm MAI-LÝ-CANG**

\* - Trong bài viết tựa đề "*La grande mission des jeunes expatriés Vietnamiens*" đăng trên tờ *DOI LUC/VIET OPPOSING CENTRES FORUM* No 66 August 2003 Page 9 tại Canada. Giáo-sư Vũ-Quốc-Thúc, cựu Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục miền Nam Việt-Nam đã có chính thức đề cập lại về một bài báo của tôi có tựa đề "*Một thế hệ nhân chứng*" (*Une génération témoin*). Và có những nhận xét, phân tích đề tài này đã có đặt lại thành nhiều vấn đề, để nêu lên về bốn phận cũng như trách nhiệm của các thế hệ trẻ VN ở hải ngoại đang đứng trước nguy cơ của nạn mất gốc.

\*\* - Trong cuốn sách "*TÂM-THU*" xuất bản tại Texas năm 1995 của Thiếu-Tướng Đỗ-Mậu, cựu Phó Thủ-Tướng Đặc-Trách Văn-Hóa Xã-Hội miền Nam Việt-Nam. Trong trang 284-285, tác giả có trích in lại một đoạn về bài báo của tôi đã từng lưu ý dư luận cộng đồng Người VN Ở Nước Ngoài chớ nên đánh giá coi thường về sự hiểu biết tế nhị của Hoa-Kỳ ở vùng Đông-Nam-Á, đặc biệt là ở tại Việt-Nam. (Báo "*Người Việt*" xuất bản tại California số 2946 ngày 31-12-1994).

\*\*\* - Sách "*Dấu ấn Việt-Nam trên biển Đông*" do nhà xuất bản Thông-Tin và Truyền-Thông cho ra mắt tại Hà-Nội vào ngày 7 tháng 8 năm 2012. Với sự đóng góp đặc biệt phong phú, trung thực của chủ biên Tiến-sĩ Trần-Công-Trực, nguyên Trưởng-Ban Biên-Giới của chính phủ Việt-Nam. Và của Tiến-sĩ Nguyễn-Nhã cùng với các chuyên gia nghiên cứu về pháp luật, lịch sử, địa lý, chính trị.

\*\*\*\*- Trích trong tác phẩm "*Người Việt-Nam Ở Nước Ngoài*" của tác giả.



Im lặng không phải là hèn  
 Im lặng là để luyện rèn thân tâm  
 Im lặng không phải là câm  
 Im lặng là để âm thầm niệm kinh  
 Im lặng không phải đứng nhìn  
 Im lặng là biết quán mình tịnh tu  
 Im lặng không phải là ngu  
 Im lặng không oán không thù thánh thoi  
 Im lặng nhìn đất nhìn trời  
 Im lặng miệng nở nụ cười Chân Như.

# Công dụng của nước và lửa



Thích Nữ Giác Thiện

**C**ó một câu chuyện mà chúng tôi từng nghe kể lại thì có một người nọ cần đến nước và lửa, nhưng vì một lý do gì đó, nên cuối cùng anh ta cũng không có được nước và lửa mà dùng. Câu chuyện này tuy đơn giản, nhưng nhấn mạnh cho chúng ta biết ở đời muốn làm một chuyện gì đó phải nên chuyên tâm, nếu không thì sẽ không đạt được kết quả. Cũng giống như một người xuất gia cầu đạo, tuy mang hình tướng xuất gia, nhưng tâm vẫn còn là thế tục, không nỡ lìa xa ngũ dục của thế gian, thì xuất gia cũng uổng công vô ích. Nên trong cuộc đời này, nếu muốn làm một chuyện gì thì phải nhất tâm và phải có ý chí kiên trì để khắc phục bản thân thì mới có thành quả, tu hành cũng vậy, cũng phải cần đến một sự tinh tấn nỗ lực không ngừng.

Ví dụ này cũng có cái tính bất nhị pháp môn ở trong đó. Đứng về một phương diện của pháp đối đãi, của nhị môn, thì chúng ta thấy thế gian và xuất thế gian có sai biệt, ngũ dục và thanh tịnh có khác nhau, Niết Bàn tịch tĩnh và thế gian ngũ trược ác thế cũng khác nhau, v.v...

Cũng giống như đề tài này, nước và lửa là hai thể chất đối ngược với nhau, như nếu có nước thì lửa sẽ bị dập tắt. Ngoài ra, nước tượng trưng cho sự trong suốt, thanh tịnh, còn lửa thì tượng trưng cho sự mãnh liệt, nóng bỏng, sân hận, có thể thiêu đốt tất cả mọi sự vật.

Nhưng theo cái nhìn của bất nhị pháp môn và của nhân duyên hòa hợp, thì nước và lửa vẫn là một, vẫn bổ sung cho nhau. Nước và lửa là những thành phần của tứ đại. Ai cũng biết trong cơ thể của chúng ta đều do tứ đại hợp thành. Nếu một "đại" như gió mà không điều hòa, thì cũng ảnh hưởng đến những đại khác như đất, nước và lửa, như thế thì nếu tứ đại không điều hòa thì cái thân giả hợp này của mình cũng bị suy yếu.

Như vậy, thì nước và lửa không hoàn toàn chống trái với nhau, nó có thể tương hỗ lẫn nhau. Ví như muốn nấu cơm thì phải cần nước và lửa, nếu không có lửa thì cũng không thể thành cơm được, và nước cũng không thể nào thiếu đi được. Cho nên, theo cái nhìn của bất nhị pháp môn, nước và lửa đều là một, nó luôn tương ứng với nhau, đều mang lại lợi ích cho chúng sanh.

Cũng giống như pháp pháp thì bất ly thế gian pháp, có thế gian ngũ trược ác thế, thì mới có những người chán ghét ngũ dục, sự vô thường của thế gian mà phát tâm lìa xa nó. Nên ngũ dục và giải thoát cũng là một mà thôi, vì nhờ nó mà chúng ta

nhận ra bản tánh tạm bợ của nó, vì nó không mang lại một hạnh phúc vĩnh cửu, nên nó đã trở thành một người bạn của chúng ta và giúp chúng ta hướng về một phương trời khác của giải thoát và tịch tịnh. Nên ngũ dục và những người xuất gia cầu đạo rất có liên quan với nhau, nó là một cơ hội đáng quý cho người xuất gia cầu đạo, hành đạo giải thoát.

Như chúng ta biết thì mọi người đều có phật tánh, nếu phiền não và vô minh được đoạn diệt thì phật tánh sẽ hiển lộ. Nhưng phiền não vốn không thật, vì nó cũng không có tồn tại mãi hoài trong tâm của chúng ta. Phiền não sở dĩ có là do tâm của chúng ta nghĩ thế giới bên ngoài là có thật, nên chấp vào đó mà sanh ra phiền não. Nhưng theo chúng tôi nghĩ, thì mình phải cảm ơn phiền não, mà mình mới hiểu và đi tìm con đường giải thoát. Cũng giống như khi còn nhỏ, còn là em bé, nhờ những lần bị vấp ngã đứng lên té xuống không biết là bao nhiêu lần, nên bé thơ mới bắt đầu biết đi thật sự, vì nếu như không có vấp ngã, không có trải qua kinh nghiệm của sự té thì bé cũng sẽ không biết đi như bây giờ. Nên phiền não và bỏ đề vốn không sai biệt, người tu hành cũng không nên xa lánh nó, vì nó đã cho chúng ta một cơ hội hiếm có để thuật hành đạo giải thoát.

Phiền não và nghịch cảnh đều là những người bạn đáng quý của chúng ta, nó lúc nào cũng sẵn sàng song hành với chúng ta đến cuối cuộc đời, chúng ta nên chấp nhận nó một cách hoan hỷ, vì nó ban cho ta một cơ hội để trưởng thành, vì nhờ có nó mà chúng ta mới có cơ hội để nhìn lại chính mình và sửa đổi mình để đi trên con đường của giải thoát. Nghịch cảnh là một món quà miễn phí mà chúng ta không cần bỏ ra tiền để mua mà cũng nhận được sự lợi ích giác ngộ từ nó. Nên phiền não, nghịch cảnh và Niết Bàn tịch tĩnh vẫn có sự tương ứng lẫn nhau, vẫn không có sự sai biệt, hai thứ này vẫn mang tính bất nhị, vì đều mang lại cho chúng ta một cái lợi ích riêng của nó.

Chúng ta cùng chư Phật đều đồng một thể tánh thanh tịnh, nhưng vì vô minh và phiền não nên không nhận ra được viên ngọc lưu ly của mình sẵn có. Một khi đã đoạn diệt được vô minh và phiền não, thì chúng ta phải noi theo tấm gương của chư Bồ Tát và những hạnh nguyện của các Ngài, như Đức Phật Thích Ca, thì có Tứ Hoàng Thế Nguyện, Đức Phật A Di Đà thì bốn mươi tám đại nguyện, Đức Phổ Hiền Bồ Tát thì có mười đại nguyện, v.v...

Như vậy, khi tu hành, chúng ta phải thực hành thượng cầu hạ hóa. Cũng giống như nếu muốn vãng sanh về cõi Tây Phương của Đức Phật A Di Đà, thì phải hạ hóa, thiết lập nhân gian Tịnh Độ ngay trong cõi Ta Bà này.

Theo chúng tôi nghĩ thì chúng ta cũng đừng nên chán cõi Ta Bà ngũ trược ác thế này, vì nhờ nó mà chúng ta giác ngộ được cuộc đời là vô thường, là khổ. Cũng giống như hoa sen, hoa sen xinh đẹp và trang nghiêm thì chỉ có nở ở trong bùn mà thôi. Nhờ bùn hôi tanh, mà chúng ta mới nhìn thấy được

một hoa sen thanh khiết và thoát tục như vậy. Nên cõi Ta Bà này và cõi Tịnh Độ đều là một, nếu mỗi ngày chúng ta thực tập làm sao cho những hoa sen tinh khiết trong lòng ta đã có sẵn đều nở lên và mang một hương vị của sự giải thoát và thanh tịnh.

Trên cái nhìn của nhị môn, thì Bồ Tát và chúng sanh có sự sai biệt, nhưng theo tinh thần của bất nhị pháp môn, thì chúng sanh và Bồ Tát tương ứng với nhau. Bồ Tát vì lòng từ bi vô lượng nên phát nguyện quảng độ tất cả các chúng sanh. Trong khi tu hành, phát nguyện thượng cầu hạ hóa, chúng ta đừng nên có tâm mỗi một muốn xa lìa chúng sanh, vì chúng sanh đời này thì càng cường khó độ, mà chúng sanh thì vô biên làm sao mà độ tận được. Nhưng chúng ta phải biết, trong cuộc đời này, phải có chúng sanh thì mới có Bồ Tát. Nếu không có chúng sanh đau khổ thì Bồ Tát cũng không thị hiện trên cuộc đời này làm chi. Chúng sanh nhờ Bồ Tát mà được cứu khổ và trở về với chánh pháp, còn Bồ Tát thì lấy chúng sanh làm phương tiện để thực hiện hạnh nguyện thượng cầu hạ hóa. Nên chúng sanh và Bồ Tát không có sai biệt, nhờ chúng sanh mà Bồ Tát mới có cơ hội thực hành được hạnh từ bi cao cả và tích lũy công đức sâu dày.

Nói chung, trong khi tu hành, ngũ dục ô uế và phiền não vô tận của thế gian rất gắn liền với người tu, chúng ta không nên xa lánh nó, theo cái nhìn của pháp đối đãi, vì nó là một thiện trí thức rất cần thiết để cho chúng ta hiểu được tính vô thường, khổ, không, vô ngã của vạn vật mà ngộ nhập được Phật tri kiến. Như vậy khi muốn đạt được đạo giải thoát, thì chúng ta phải lấy chúng sanh làm phương tiện hạ hóa, phiền não làm phương tiện của sự giác ngộ về tính không. Ngoài ra chúng ta còn phải lấy Lục Độ Ba La Mật và giới định huệ làm phương tiện tu hành để đạt được giải thoát.

Trong kinh Duy Ma Cật có nói một câu là “phương tiện là đạo tràng”, vì nếu chúng ta khéo sử dụng phương tiện thì trong việc hạ hóa sẽ dễ dàng hơn. Cũng giống như nước và lửa bỏng lai vốn thanh tịnh, giải thoát, không vương chấp, nên nước và lửa cũng có diệu dụng của nó, khi lũ lụt, nước có thể làm tiêu tan nhà cửa, làm hàng nghìn người chết, nhưng nước cũng có thể giúp chúng ta có những hạt gạo trắng thơm, mùa màng tươi tốt, cây cối xanh tươi; còn lửa thì khi sân hận nổi lên có thể thiêu đốt cả rừng công đức của chúng ta, đốt cháy nhà cửa, xóm làng, nhưng ngược lại ta cũng có thể lợi dụng sự mãnh liệt của lửa để hâm nóng trí tuệ và lòng từ bi trong lòng của chúng ta. Và nếu ngọn lửa của trí tuệ và từ bi trong lòng chúng ta thật mãnh liệt và nóng bỏng thì nó cũng tỏa sáng và lan tỏa ra những người chung quanh của chúng ta.

Và cuối cùng mong sao mọi người chúng ta lúc nào cũng có một ngọn lửa mãnh liệt của trí tuệ và từ bi để có thể thực hành hạnh nguyện tự độ và độ tha như chư Bồ Tát.

## Vu Lan, kính dâng Mẹ dòng tưởng niệm

Kính thưa Hương Linh Mẹ,

**Đ**ức Phật có dạy rằng: Có sinh tức có diệt, có tướng tức có hoại. “Thành Trụ Hoại Không” là định luật vô thường. Đời sống thật là bấp bênh nhưng cái chết rất là chắc chắn. Không ai biết trước được rằng mình sẽ sống mấy năm, mấy tháng, mấy ngày. Nhưng ai cũng biết một điều chắc chắn rằng mình sẽ phải chết... Như những trái cây ở trên cành, trái rụng sớm, trái rụng muộn, trái rụng khi non, trái rụng khi già, nhưng tất cả trái cây đều phải rụng xuống...

Đã sinh ra làm thân ở trên cõi đời này tất nhiên chúng ta sẽ phải chết, chết lúc thơ ấu, chết lúc thanh niên hay khi lão thành, chết đi để tái sinh theo nghiệp của mình...

Một mình chúng ta đến, một mình chúng ta đi, có đem theo được gì đâu. Điều đó ai cũng như ai, nhưng chỉ khác nhau trong khoảnh khắc ngắn ngủi của kiếp nhân sinh là ta đã sống như thế nào. Ta đã sống gieo rắc tình thương hay gieo rắc hận thù, ta đã sống với tâm ích kỷ hẹp hòi hay đã sống với lòng vị tha vô ngã...

Kính thưa hương linh Mẹ,

Là người con Phật, chúng con rõ biết cuộc đời là hư huyền, chợt có chợt không. Nhưng chúng con làm sao ngăn được giây phút bụi ngùi trước cảnh biệt ly... Mẹ đã đi xa, để lòng chúng con bao nỗi nhớ thương khôn xiết đoạn trường...

Ở đời phải hệ lụy với đời, một gia đình hai vai gánh vác, con cháu đề huề, gia phong gìn giữ, nghĩa giống nòi không lỗi đạo với tổ tông.

Với cháu con, luôn nhắc nhở hiếu kính thuận hòa, biết kính trên nhường dưới. Nhỏ lo nuôi dạy đạo nghĩa thánh hiền, lớn lên chăm chút chẳng phút nào yên, cả cho đến khi thành gia thất vẫn không nguôi nhắc nhở sớm hôm, giữa đêm khuya canh trường giá lạnh, thương cho con tối lửa tắt đèn, dù bão táp mưa sa vẫn bước chân đôn hậu của người Mẹ đi hỏi thăm từng đứa, từng nhà, lòng mẹ canh cánh lo sợ con cháu mình sa vào sự lôi cuốn bê tha.

Mẹ ơi! Suốt cuộc đời Mẹ chưa lúc nào được ngơi nghỉ. Thời tiết khắc khe có lúc rét căm căm, vẫn cần chuyên từ sáng tinh mơ nơi phiên chợ sớm. Trục nhật, trục khoan, đồng chiu, đồng chất, về đến nhà đôi khi đường phố đã lên đèn.

Một nắng hai sương, chợ sớm chợ chiều, vẫn thân còn cô đơn lẫn lộn, bữa đói bữa no, những ước mong nuôi đàn con dại khôn lớn nên người.

Cả cuộc đời tất bật vất vả, gian khổ vì chồng, nặng nợ vì con... lo cho con từng miếng cơm manh áo, lo cho cháu khi trái gió trở trời, lặn đạn vì chồng con, mọi gian lao đều không quản ngại... cho đến lúc tuổi già hơi tàn sức cạn, vẫn nén nỗi buồn lo với bao điều trần trở, cứ mỗi đêm về nằm thao thức, giấc ngủ chẳng đặng yên... Những ước mong, con gái, con trai nhà cao cửa rộng; Cháu chất, dâu rể đề huề, đẹp mặt với bằng hữu xóm làng, tình sui gia kết chặt đạo đời luôn bền câu môn đăng hộ đối.

## Chánh ngữ và khái niệm về ba cửa ngõ

Thương cảm thay! Bởi nghiệp lực sâu dày, con, cháu, gái, trai có đũa chìm đũa nổi, đã bao lần chúng con đã làm cho cha mẹ phải phiền lụy xót xa...

Lòng Mẹ buồn cũng chẳng có nói ra, chỉ tủi hờn buồn thương cho số phận... Đêm về, tối lửa tắt đèn cùng với Cha nhỏ to tâm sự, lệ hai hàng ứa đọng đôi mi... Gần 80 mùa xuân trôi qua, một cuộc đời dật bao ước mơ, ước mơ thật giản dị đơn sơ vẫn đang còn nằm xa tầm tay với... Mấy chục năm trời cùng bạn đời xây hạnh phúc, hạnh phúc chẳng cầu kỳ sang trọng, vẫn còn lo lắng thương xót cho chồng.

Than ôi! Kỷ niệm xưa nhắc lại thật đau lòng, hình ảnh cũ gợi ra thêm xót xa...! Thế mới biết nhân sinh hữu hạn, mãnh hình hài có có không không. Thế mới hay vạn vật vô thường, cuộc phù thế hư hư thực thực...

Thương là thương tính nét nhu mì chơn chất, giọng ôn hòa nhỏ nhẹ, từ trong nhà ngoài ngõ, đến lối xóm bà con, tình sui gia bằng hữu chẳng biết giận hờn... *“Lúc buồn lòng chẳng than van*

*Khi vui trên dưới gia đình cùng vui”.*

Chuyên cửa Phật dầu đã luống tuổi, nhưng Phật tâm không phân biệt, bởi vì tu là chuyển nghiệp. Pháp nhiệm mầu Phật dạy, quyết học hỏi nương nhờ các bác, nhằm sáng tỏ tâm linh.

Thế mà giờ đây Mẹ lại nở ra đi, bỏ lại chúng con với những người đồng cộng nghiệp. Con lại mất mẹ, cháu mất bà, đũa lớn khôn thiếu người sắp đặt, đũa dại khờ thiếu lời an ủi bảo ban... Nhìn di ảnh của Mẹ bên quan tài nghi ngút khói hương bay, miệng mỉm cười dịu dàng phúc hậu.

Mới ngày nào cùng với Đạo tràng từ Hóc Môn Hoàng Pháp cho đến Lâm Đồng tịnh thất Quan Âm, những bước chân của Mẹ vẫn an nhiên tự tại, tín thiết nguyện sâu, trì danh hiệu Phật từng câu từng chữ...

Mẹ ơi! kẻ làm sao hết những hy sinh cao cả của Mẹ, đàn cháu con chỉ biết ngậm ngùi, nén nỗi đau lo tròn hiếu sự, quyết một lòng tạ dạ thâm ân. Noi gương Mẹ, chúng con nguyện gìn giữ nề nếp gia phong, hiếu kính vuông tròn.

*«...Thương ôi cũng một kiếp người*

*Bốn mùa vẫn vũ cuộc đời còn đâu.*

*Mẹ đã sống cả cuộc đời thật giản dị,*

*Mẹ đã cho chúng con bao hạnh phúc và niềm tin,*

*Dòng sữa ngọt ngào nuôi chúng con khôn lớn*

*Nay có còn đâu biết mô nữa mà tìm!...”*

Thế là hết! Cả cuộc đời chọt vọt tắt như cơn gió thoảng, mây bay!

*“Nợ ta bà vay trả thế là xong.*

*Giờ đây Mẹ đã thông dong,*

*Cánh Tây Phương xe mây cõi hạc...”*

Chúng con vẫn tin rằng:

*“Phút phân kỳ còn đọng mãi chút dư hương,*

*Thành trụ hoại không là định luật vô thường.”*

Sống khôn thác thiêng, Mẹ hãy phù hộ độ trì cho con cháu. Chúng con nhất tâm cầu nguyện và đồng hộ niệm cho hương linh Mẹ trực vãng Tây phương.

Tâm Niệm Lê văn Tường

Có lẽ người đọc cũng hơi ngạc nhiên với một chủ đề xưa như trái đất. Không biết đã có bao nhiêu băng đĩa CD, sách vở, bài viết, bài giảng về chủ đề Chánh ngữ. Tuy nhiên dù đã thuộc lòng hay đã nghe giảng đến nhàm tai, có bao giờ ta tự hỏi đã áp dụng chánh ngữ được bao nhiêu lần trong cuộc sống của mình và có khi nào ta tìm hiểu xem vai trò của chánh ngữ nằm ở đâu không trong cái xã hội tân tiến ngày nay?

Dầu chẳng có gì mới lạ trong Đạo Pháp, tuy nhiên có lẽ chúng ta cũng nên bỏ ra chút thì giờ để cùng nhau tìm hiểu xem chánh ngữ là gì. Đến chùa nghe giảng búi tai trong chốc lát, để rồi sau đó thì đầu lại vào đây, ta lại tiếp tục giao tiếp với những người chung quanh bằng ngôn từ thường nhật, xã hội vẫn tiếp tục áp đặt cho ta những công thức và quy ước có sẵn về cách giao tiếp và ta chỉ cần đem ra mà sử dụng.

Thật ra thì ta cũng chẳng làm gì khác hơn được. Giáo dục và kinh nghiệm bản thân đã dạy ta như thế thì ta cứ phát ngôn như thế. Cho đến khi nào ta chưa ý thức được và nhìn thấy một cách sâu xa ảnh hưởng và tác động của ngôn từ đối với bản thân mình và đối với tập thể xã hội thì khi đó ta sẽ vẫn còn tiếp tục phát ngôn một cách rập khuôn như thế.

Mỗi lần đọc một bài viết về chủ đề chánh ngữ hay được nghe giảng về chánh ngữ thì ta tự động liên tưởng đến lời ăn tiếng nói mà ta phải phát biểu. Tuy nhiên trong thế giới này, mấy khi ta có dịp để nói lên một lời chánh ngữ? Trong thế giới của chúng ta tiếng nói đôi khi chỉ là thứ yếu, một lá phiếu thì cũng là cách bảo ta hãy câm miệng đi. Hô hào thì đã có người hô, ta chỉ cần đưa thẳng cánh tay lên để tán đồng là đủ.

Mặt khác, gần như tất cả các băng đĩa, bài viết, bài giảng... hầu như chỉ nêu lên một chiều, tức là cách dạy ta phải phát ngôn như thế nào, nhưng tuyệt nhiên không hề dạy ta phải nghe như thế nào về cách phát ngôn của người khác. Họ có nói đúng theo chánh ngữ hay không? Hơn nữa trong thế giới của chúng ta đâu phải chỉ có lời nói mà thôi. Báo chí, sách vở, phim ảnh, truyền hình, tranh vẽ, ca nhạc, băng giảng, quảng cáo, loa phóng thanh và các phương tiện truyền thông tân tiến khác, tất cả luôn bủa vây và không tha chúng ta một giây phút nào cả.

Bài viết này cố gắng mở ra một tầm nhìn bao quát để suy tư và tìm hiểu về chánh ngữ và mỗi người sau đó tự tìm lấy cho mình một lối đi trong cái bối cảnh thật náo động của thế giới này.

### **Định nghĩa về chánh ngữ**

Chánh ngữ là cách tu tập được xếp vào hàng thứ ba của bát chánh đạo. Nói một cách tổng quát thì có ba phép tu tập: tu giới (shila), tu định (samatha) và tu tuệ (prajna), chánh ngữ thuộc vào lãnh vực tu giới. Tương Ưng Bộ Kinh định nghĩa chánh ngữ như sau : **«Chánh ngữ là từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm»**. Nếu

như không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm thì tất nhiên là phải **nói ngay thật, trung thực, ôn hòa và lợi ích**.

Định nghĩa có vẻ đơn giản nhưng áp dụng thì khó. Lên chùa thì Thầy giảng ta nghe, mấy khi Thầy nghe ta giảng. Ra phố mua sắm, thì người bán nói ta nghe, họ có nói chánh ngữ hay không thì cũng khó biết được. Gặp bạn bè thì lựa lời mà nói cho đẹp lòng nhau, nói chánh ngữ lời thôi đôi khi có thể mất cả bạn bè. Nơi làm việc thì xếp nói ta nghe, mấy khi ta có dịp để nói chánh ngữ cho xếp nghe. Về nhà thì vợ con nói ta nghe, mấy khi vợ con nghe ta nói. Vì thế có muốn áp dụng chánh ngữ để «được một chút phước đức» dành cho kiếp sau cũng không mấy khi tìm được dịp.

Tóm lại ngôn từ mà ta sử dụng hàng ngày là một loại ngôn từ công thức và quy ước, biểu hiện của vô minh. Đây là loại ngôn từ mà ta tự động chấp nhận để giúp ta giao tiếp với những người chung quanh trong thế giới ta bà, và đây cũng là cách kết nối vô minh của từng cá thể với nhau để tạo thêm vướng mắc. Vì vậy đối với một cá thể con người, ngôn từ giữ một vị trí và chức năng như thế nào? Sau đây là phần trình bày sơ lược về khái niệm *ba cửa ngõ* của một cá thể và từ đó sẽ xác định vị trí và vai trò của chánh ngữ hay ngôn từ nói chung.

### **Ba cửa ngõ là gì**

Kinh sách gốc Hán ít quan tâm đến khái niệm về ba cửa ngõ, trái lại thì Kim cương thừa chú trọng nhiều hơn đến khái niệm này. Tuy nhiên phần trình bày sau đây chỉ giới hạn trong việc định nghĩa căn bản về **ba cửa ngõ** để tìm hiểu vị trí, vai trò và sự vận hành của ngôn từ, nhưng không đi sâu vào phương pháp luyện tập của Kim cương thừa. Vậy ba cửa ngõ là gì?

Mỗi cá thể con người có ba cửa ngõ (tridvara): thân xác (kaya), ngôn từ (vak) và tâm thức (citta). Đó là ba thành phần hay ba « trung tâm » vận hành riêng rẽ và đồng thời cũng tương liên và phối hợp với nhau để tạo ra một cá thể trong hai cõi dục giới và sắc giới. Người ta vẫn thường nói đến ba yếu tố tạo nghiệp là thân, khẩu, ý, tuy nhiên cũng cần hiểu là ba yếu tố ấy cũng là ba cơ sở cần thiết giúp thực hiện việc tu tập. Sau đây là định nghĩa về ba cửa ngõ :

- **Thân xác:** chỉ định cấu trúc vật chất của một cá thể, cấu trúc đó được tạo thành bởi năm cấu hợp thô thiển gọi là ngũ uẩn. Thân xác tượng trưng cho ranh giới phân cách giữa một cá thể và thế giới chung quanh. Sự phân chia đó có tính cách chủ quan, vì trên thực tế một cá thể không khác với thế giới bên ngoài và ngược lại thế giới bên ngoài cũng không khác với cá thể. Sự phân biệt đó là kết quả phát sinh từ sự diễn đạt của tâm thức một cá thể xuyên qua sự cảm nhận của ngũ uẩn.

Sự giao tiếp của thân xác với thế giới bên ngoài nhờ vào năm giác cảm là thị giác, thính giác, khứu

giác, vị giác và xúc giác. Một cách tổng quát thì thân xác tượng trưng cho cửa ngõ đón nhận thế giới chung quanh xuyên qua giác cảm và đồng thời cũng là một phương tiện để tác động vào thế giới bên ngoài. Mỗi cảm nhận của giác cảm – tức là những gì từ bên ngoài « bước vào » – đều gây ra tác động trong tâm thức, tác động đó có thể là tích cực, tiêu cực hay trung hòa. Mỗi cử động – tức là những gì « bước ra » khỏi cửa ngõ – đều gây ra một tác động với môi trường chung quanh. Tác động đó có thể tích cực, tiêu cực hay trung hòa. Hãy lấy một thí dụ thật đơn giản, ta đi tản bộ trong một khu vườn. Hành động đi tản bộ có vẻ như mang tính cách trung hòa không tạo ra một nghiệp quan trọng nào cả. Nhưng trên thực tế thì rất phức tạp, vì ta có thể vô tình đạp lên côn trùng trên mặt đất hay trong cỏ. Mặc dù vô tình nhưng ta vẫn tạo ra nghiệp tiêu cực. Mặt khác sự kiện đi tản bộ cũng có thể tạo ra hậu quả tích cực, chẳng hạn như giúp cho máu huyết lưu thông, hít thở không khí trong lành, thay vì ngồi trong nhà xem phim Hàn quốc tràn giang bắt tạt.

Tóm lại phải luôn luôn cảnh giác và canh chừng cái cửa ngõ thân xác, kiểm soát những giác cảm đang tìm cách xâm nhập vào cửa ngõ ấy để phá rối ta và đồng thời cũng phải chọn lọc và phán xét xem những hành động nào của ta mang tính cách tích cực hay tiêu cực trước khi mở cửa cho nó tác động với thế giới bên ngoài. Một cách vắn tắt, người tu tập phải hiểu rằng mọi cử động đều tương tác với không gian chung quanh, có nghĩa là trực tiếp tạo ra nghiệp. Càng lảng xảng, chạy hết đầu này đến đầu kia, tay chân múa may không ngừng, trong đầu tính toán

và hoạch định đủ mọi thứ mưu đồ thì đấy chỉ là cách tạo thêm nghiệp và mạng lưới duyên khởi sẽ càng siết chặt hơn. Tréo chân ngồi im là một trong những cách có thể giúp ta tránh được phần nào sự bủa vây của nghiệp.

Đối với Phật giáo nói chung thì thân xác là một sự «cấu hợp ô nhiễm», bởi vì đó là hậu quả sinh ra từ nghiệp trong quá khứ. Thái độ của Nam tông và nhất là của Giới luật tông (Vinaya) đối với thân xác rất triệt để: thân xác là một thể dạng kinh tởm cần loại bỏ và không được bám víu vào đó. Thái độ của Bắc tông cũng triệt để không kém: thân xác con người là « cơ sở của mọi sự bám víu », nguồn gốc của mọi thứ khổ đau, tuy nhiên thân xác cũng là « cơ sở hàm chứa những phẩm tính » (ksanasampadadhithana) giúp cho cá thể một dịp may để thực hiện tu tập Đạo pháp (Dharma). Vì thế đối với Bắc tông, người tu tập phải biết giữ gìn thân xác tinh khiết, nhưng không nên bám víu vào nó và cũng không nên tra chuốt cho nó quá đáng. Thái độ của Kim cương thừa thì khác hẳn và rất tích cực, xem thân xác như một hệ thống kinh mạch giúp cho những luồng khí lực luân chuyển. Sức mạnh của quán tưởng có thể biến thân xác thành một





« ảo thân » của một thánh nhân hay một vị Phật, và cao hơn nữa có thể chuyển thành « thân xác cầu vòng » tức là « ứng thân » của một vị Phật. Đạt được ứng thân của một vị Phật có nghĩa là thành Phật ngay trong kiếp sống này.

- **Ngôn từ:** ngôn từ không nhất thiết chỉ dùng để chỉ định sự phát biểu ý nghĩ bằng tiếng nói mà còn chỉ định khả năng hiểu biết ý nghĩa của các cấu trúc âm thanh. Ngôn từ là một thành phần trung gian giữa tâm thức (tác ý) và thân xác (môi, lưỡi, dây thanh trong cuống họng, hơi trong phổi...). Đó là một cửa ngõ rất quan trọng mở ra cả hai chiều : vào và ra. Điều này rất quan trọng tuy nhiên ít người chú ý đến vì cái cửa ngõ ngôn từ đôi khi dùng để nhận vào nhiều hơn là để phát ra. Trong thế giới ngày nay chúng ta bị tràn ngập bởi các phương tiện truyền thông, nào là phim ảnh, ca nhạc, báo chí, tuyên ngôn, biểu ngữ, quảng cáo... Cái cửa ngõ ngôn từ vì thế đã trở thành gần như một chiều vì khối lượng nhận vào quá lớn làm cho nó thường xuyên bị tắc nghẽn, không còn kẽ hở để thoát ra.

Ngày nay không mấy khi ta có dịp sử dụng cửa ngõ ngôn từ trong việc tu tập. Cách đây hơn hai ngàn năm khi xã hội còn đơn sơ và tinh khiết hơn ngày nay, thì con người không bị những phương tiện truyền thông bủa vây và tấn công dồn dập. Dầu cho vua A-Dục có cho khắc các chỉ dụ lên các trụ đá thì cũng chẳng có mấy người biết đọc. Vào các thời kỳ khi Đức Phật còn tại thế và sau đó khi Ngài đã tịch diệt, thì hầu hết con người chỉ có dịp nói với nhau trong gia đình, trên ruộng đồng, nơi quán chợ. Họ học thuộc những lời Phật dạy và kể lại cho nhau nghe với tất cả sự thành kính. Nhờ đó mà ngày nay chúng ta mới được thừa hưởng những gì tinh anh trong những lời giáo huấn của Phật và những gì ấm áp trong lòng người thời bấy giờ. Vì thế chánh ngữ không hẳn chỉ là một thứ luân lý đại chúng mà còn tượng trưng cho một sức mạnh trong việc tu tập nữa.

Vào thời bấy giờ, kỹ thuật còn thô sơ, ngoài cái cày, cái cuốc, cái xe bò..., người dân chưa có phương tiện gì để ghi lại hình ảnh và lời nói. Trong thời đại tân tiến và chỉ trong vài chục năm về sau này, đủ mọi phương tiện thu âm và thu hình được phát minh, nào là băng đĩa, máy thu âm nhỏ xíu, máy thu hình video, máy điện thoại di động... Một số người hướng dẫn dư luận đã lợi dụng các tiến bộ kỹ thuật đó để quảng bá những lời không được chánh ngữ lắm trong mục đích lừa gạt, che đậy, hoặc tệt hại hơn như khích động con người để phục vụ cho ý đồ của cá nhân hay của một tập thể nào đó.

Bất cứ trong một quốc gia nào cũng thế, phương tiện truyền thông đã trở thành một công cụ thật tinh vi để quản lý và áp đặt con người. Trong trường hợp đó chánh ngữ đã vượt ra khỏi lãnh vực cá nhân để mang tánh cách tập thể và xã hội. Những người hướng dẫn dư luận có thể quên một điều là những gì vua A-Dục khắc trên trụ đá đã vượt hơn hai ngàn năm lịch sử và còn lưu lại đến ngày nay. Những

gì thu âm, thu hình hôm nay rồi sẽ dành cho những thế hệ mai sau thẩm định.

Dầu sao đi nữa thì chúng ta cũng phải công bằng mà phán xét, không nên chỉ biết kết án những gì tệt hại trong thế giới ngày nay. Vào thế kỷ thứ VI trước Tây lịch, trong thung lũng sông Hằng cũng đã xảy ra những sự tranh cãi siêu hình, những tranh luận biện chứng giữa các vị thầy Bà-la-môn và kể cả các vị thủ lãnh chủ trương các hệ thống tư tưởng và tín ngưỡng khác nhau. Họ « gây ra cho nhau thương tích bằng cách đem đầu lưỡi làm khí giới ». Đức Phật gián tiếp ám chỉ đến các cuộc khẩu chiến ấy bằng cách cấm các đệ tử của Ngài không được tham gia vào đó. Nhiều kinh sách kể chuyện Ngài lưu ý các đệ tử phải thận trọng trong từng lời nói, không được biểu lộ tham vọng hay hận thù và Ngài đã nêu lên một cách minh bạch bốn thái độ phải tuân thủ như sau:

1- *nói lên sự thật*

2- *nói những lời hòa giải, không nói hai lưỡi*

3- *nói những lời mang ngụ ý tốt, khả ái, không gây ra lời đờn đại, không chỉ trích lời người khác và việc làm của người khác*

4- *nói những lời có ý nghĩa, không nói những lời phù phiếm và vô bổ*

Tóm lại chánh ngữ là để hướng vào người khác, phục vụ người khác, đồng thời là một cách loại bỏ mọi bám víu, kiêu căng và tự hào, có nghĩa là loại bỏ sự thống trị của cái tôi. Sau đây là những lời dặn dò của Đức Phật cho các đệ tử của Ngài :

*«Người tu hành chỉ nói những lời hoà giải để giảng hòa những người hiềm khích lẫn nhau và kết chặt thêm sự hoà đồng. Người tu hành yêu chuộng sự hài hòa, tìm thấy vui thích trong sự hài hòa, niềm hân hoan trong sự hài hòa. Từ bỏ những lời thô bạo, người tu hành không nói lên những lời thô bạo. Người tu hành chỉ thốt ra những lời nói không sao chê trách được, êm ái, triu mến, đi thẳng vào trái tim, nhã nhặn và tử tế đối với thật nhiều người, làm cho thật nhiều người ưa thích. Từ bỏ những lời nói phù phiếm, người tu hành không nói những lời phù phiếm, chỉ thốt lên những lời nói đúng lúc, trung thực, có ý nghĩa, phù hợp với Đạo pháp và giới luật, xứng đáng để lưu lại, hợp lẽ, thích nghi với mục đích tối hậu và bổ ích».*

(trích trong kinh Maha-Tanhasankhaya-Sutta, bản dịch Pháp ngữ của Mòhan Wijayaratna, trong quyển *La Philosophie du Bouddha*, Ed. de la Sagesse, 1995, tr. 69)

Có lẽ cũng cần nhắc thêm ra đây quan điểm đặc thù của Phật giáo Tây tạng về cửa ngõ ngôn từ. Đó chính là cơ sở giúp vào việc quảng bá Đạo Pháp bằng tiếng nói. Khắc phục được ngôn từ và hơi thở trong khi thiền định sẽ giúp chủ động được tâm thức. Điều hành được các luồng khí lực tinh tế và các chuyển động của chúng chính là chìa khóa của phương pháp luyện tập du-già mô tả trong Kim cương thừa. Các kinh tan-tra đều nói đến sự liên hệ giữa các cấu trúc kinh mạch của cơ thể và khả năng phát âm. Hình tượng nơi các huyệt ở đầu các kinh mạch tương quan với 16 nguyên âm trong bảng chữ cái của tiếng Phạn và chúng ảnh hưởng đến khả

năng phát ra âm thanh, vì thế nên khả năng phát âm nhất thiết liên quan với thân xác. Đó là điểm then chốt giải thích sự liên hệ giữa tác động tích cực của các câu niệm chú man-tra đối với thân xác. Sự trì tụng các câu man-tra sẽ tinh khiết hóa ngôn từ, có nghĩa là làm tan biến những dấu vết ô nhiễm trong cách nói thường nhật, tháo gỡ và tẩy uế các kinh mạch tinh tế, loại bỏ các độc tố của tâm thức, tinh khiết hóa bệnh tật của cơ thể, nuôi dưỡng khí lực tinh anh để mang lại Giác ngộ cho một cá thể.

- **Tâm thức** : là cửa ngõ thứ ba của một cá thể. Tâm thức không sờ thấy được, không nghe thấy được, không màu sắc, vô hình và không nắm bắt được. Nó thuộc vào lãnh vực phi-vật-chất của một cá thể. Tâm thức không có cửa ngõ để tiếp xúc trực tiếp và trao đổi với thế giới chung quanh mà phải « đi nhờ » hai cửa ngõ của thân xác và ngôn từ. Tuy nhiên nó có một cửa ngõ riêng thông thương với tiềm thức hay a-lại-gia thức. Trong một giới hạn và một số điều kiện nào đó tâm thức có thể cảm nhận được những gì hiển hiện hay thoát ra từ a-lại-gia thức.

Tri thức và các thể dạng tâm thần phối hợp với nhau để tạo ra tâm thức. Đồng thời tâm thức cũng là cơ sở của tác ý (cetana) tức là các ý nghĩ chủ tâm (volition). Chính vì thế mà tâm thức giữ vai trò tạo nghiệp và cũng là cơ sở của mọi sự lầm lẫn và bấn loạn tâm thần. Tất cả các xúc cảm bấn loạn đều phát sinh từ tâm thức. Tuy nhiên tâm thức lại đứng ra điều khiển cả thân xác và ngôn từ. Vì thế mà người tu tập phải thật thận trọng và cảnh giác trước những kích động của tâm thức. Nói một cách khác cố gắng khắc phục tâm thức là cốt lõi của sự tu tập.

Trong số năm uẩn tạo ra một cá thể con người thì bốn uẩn thuộc vào lãnh vực tâm thức, và điều đó cho thấy tầm quan trọng và sự phức tạp rất lớn của nó. Người tu hành phải dồn tất cả sức mạnh của mình để tìm hiểu và chế ngự tâm thức. Kinh sách vẫn thường nói khắc phục được tâm thức có nghĩa là đạt được Giác ngộ.

Tất cả mọi hiện tượng đều là những phóng ảnh của tâm thức, nhưng chính nó thì lại không có một thực thể nào cả. Nếu ta « nhìn » thấy tâm thức thì đấy không phải là tâm thức vì bản chất của nó là trống không. Chính vì nó trống không nên bất cứ gì cũng có thể xảy ra trong tâm thức: từ hận thù đến yêu thương, từ cái tôi đến kẻ khác, từ địa ngục đến niết bàn... Quán thấy được bản chất trống không của tâm thức sẽ loại bỏ được tất cả những gì tác tạo ra nó.

Đối với Kim cương thừa tâm thức là căn bản thật tinh tế của ánh sáng trong suốt nguyên thủy, tức là Phật tính. Nếu không chủ động được tâm thức thì nó sẽ lôi kéo một cá thể lang thang bất tận trong thế giới ta bà. Khắc phục được tâm thức thì nó sẽ đưa cá thể hướng về sự Giải thoát, và nó sẽ dần dần nhường chỗ cho ánh sáng trong suốt nguyên thủy. Dù sao thì phần giải thích vấn đề trên đây về tâm thức chỉ có mục đích trình bày cho đầy đủ khái niệm về ba cửa ngõ mà thôi.

**Lời kết:** Một vị thầy đứng ra giảng chánh ngữ cho các Phật tử đến chùa, và sau khi giảng xong thì cảm thấy mình đã làm được một việc pháp thí, mang lại một chút nghiệp tốt nào đó cho mình. Người Phật tử nghe xong cũng cảm thấy mãn nguyện vì đã bỏ thì giờ đến chùa để nghe giảng và nghĩ rằng đã làm được một chút công đức gì đó để cải thiện cái nghiệp của chính mình. Tuy nhiên nếu khi người Phật tử rời khỏi cổng chùa mà đâu lại vào đấy, người ấy lại tiếp tục đem những ngôn từ công thức và quy ước ra để dùng. Hoặc khi bá tánh ra về, chú tiểu khép lại cổng chùa và vị Thầy lại quay về với những bận tâm khác, thì mỗi người lại vẫn sẽ tiếp tục nuôi dưỡng lấy nghiệp của mình.

Chánh ngữ không phải chỉ là một chủ đề để đem ra giảng cho nhau nghe rồi sau đó thì việc ai nấy lo, chánh ngữ cũng không phải đơn giản là những quy tắc đạo đức, giữ được thì càng tốt mà không giữ được cũng không sao. Người tu tập phải ý thức được chánh ngữ là một trong những phương pháp tu tập chính yếu và kiên trì để mang lại cho mình một sức mạnh nội tâm hướng về Giác ngộ.

Không nên hiểu chánh ngữ một cách đơn giản là: tôi không được nói dối, tôi không được nói hai lưỡi, tôi không được nói lời độc ác, tôi không được nói những lời phù phiếm. Hiểu từ chương như thế thì cái tôi vẫn còn sờ sờ trước mắt, biết đến khi nào mới giác ngộ.

Sau hết xin kể một câu chuyện rất phổ biến trong kinh sách như sau. Một hôm Đức Phật đi đến một nơi có tiếng là nguy hiểm vì nơi này có một tên sát nhân là Angulimala vô cùng hung dữ và lại đang tìm giết người thứ một ngàn. Chủ nhân một quán trọ thiết tha xin Đức Phật hãy dừng chân lại và đừng đi đâu cả. Đức Phật không nghe và vẫn lẳng lặng lên đường. Thị trấn vắng tanh, nhà nhà đóng cửa.

Angulimala thấy một nhà sư đang đi một mình trong một con phố vắng, hấn rút thanh kiếm và đi theo. Đức Phật thấy có kẻ lạ đến gần và biết ngay đấy là tên sát nhân mà mọi người sợ hãi, tuy nhiên Ngài vẫn thản nhiên bước một cách thanh thản. Angulimala rất ngạc nhiên trước thái độ bình thản đó, hấn đưa cao thanh kiếm đứng chắn trước mặt Đức Phật và hét lên ra lệnh cho Đức Phật phải dừng lại. Đấng Như Lai không tỏ vẻ sợ hãi một chút nào và cất lời nói với Angulimala một cách thật dịu dàng: «Này Angulimala, con có biết không, ta đã dừng lại từ lâu lắm rồi. Chính con vẫn còn đang múa may trong lửa đỏ của hận thù, của giận dữ và dục vọng điên cuồng». Angulimala hết sức bất ngờ trước câu nói đó liền ngước nhìn để dò xét gương mặt của Phật. Trước vẻ mặt tràn đầy lòng từ bi và nhân ái của Đức Phật, Angulimala bỗng cảm thấy trở trụi và cô đơn, và bất thình lình nhận thấy mình đang bước trên con đường của khổ đau và bất hạnh. Hấn bèn ném bỏ thanh kiếm và quỳ xuống dưới chân của Đấng Giác Ngộ và xin nguyện sẽ từ bỏ cuộc sống hung ác. (theo kinh Angulimala-sutta, thuộc Trung Bộ Kinh).

**Hoang Phong**

# Bouddhisme, Sagesse & Foi

(Niêm Phật Thập Yếu)

Vén. Thích Thiện Tâm

(Sutra translation committee of the United States & Canada)

(Suite)

## 45) Comment mener une retraite de sept jours

On peut effectuer une retraite de sept jours en pratiquant seul, pour atteindre plus facilement la pureté, ou avec d'autres adeptes. Dans les deux cas, il est recommandé d'avoir trois types différents de guides spirituels.

### 1. Un guide spirituel ou maître de retraite.

Il s'agit de quelqu'un ayant une excellente connaissance du Dharma et une grande expérience de la pratique. Les adeptes faisant la retraite peuvent lui demander de les guider simplement avant et après la retraite, ou tout au long de celle-ci en suivant leurs progrès. Quand plusieurs personnes organisent une retraite de groupe, ils doivent demander à un guide spirituel de diriger la retraite et de donner chaque jour une causerie propre à les stimuler durant quinze à trente minutes.

### 2. Amis spirituels accomplissant la même pratique.

Il s'agit d'une ou de plusieurs personnes chargées des tâches quotidiennes extérieures telles que la préparation des repas et le ménage, de façon à ce que ceux qui effectuent la retraite ne soient pas dérangés et puissent se livrer à leur pratique en toute paix. On les appelle des «assistants de retraite».

### 3. Compagnons de retraite.

Ce sont des adeptes qui pratiquent la même méthode que les retraitants. Ils s'assistent et s'encouragent mutuellement. Ils peuvent participer à la même retraite, ou habiter tout près. En plus de l'assistance et des encouragements qu'ils donnent aux disciples, ils peuvent échanger des idées ou faire part de leur expérience pour le bien de tous. C'est le concept contenu dans le proverbe:

*On doit manger le riz avec la soupe,*

*On doit pratiquer avec des amis.*

Un ancien maître de grande vertu enseignait autrefois:

*Le disciple doit considérer les dix directions comme lieu d'illumination et ne pas fixer de limite à la durée de ses retraites. Si une année ne suffit pas pour atteindre l'éveil, il doit méditer pendant dix ans. Si dix ans ne suffisent pas, alors il doit continuer pendant vingt, trente ans, ou toute une vie s'il le faut, sans jamais faiblir dans sa détermination.*

C'est ce que doivent aussi faire les adeptes de la Terre Pure. Effectuer une retraite de sept jours est le meilleur moyen d'atteindre cette mobilisation d'esprit. Et si une retraite ne suffit pas alors ils doivent en accomplir plusieurs, en ne laissant jamais faiblir leur détermination.

\*\*\*

D'aucuns pourraient demander: «Pour parvenir à renaître en Terre Pure, il nous faut atteindre le monoïdéisme. Mais il y a si peu d'adeptes qui peuvent atteindre ce niveau de nos jours. Ne sommes-nous pas en train de perdre notre temps?».

*Réponse:* J'ai déjà rapidement répondu à cette question, mais je le répète ici pour plus de clarté. Le but de l'invocation au Bouddha est d'atteindre le monoïdéisme ou le Samadhi de l'invocation. Cependant, la méthode Terre Pure a la caractéristique particulière, qui suit:

*Ceux qui sont «au-dessus» peuvent atteindre le monoïdéisme; pour ceux qui sont «en-dessous», dix invocations ou pensées seulement suffiront à apporter le succès.*

Autrement dit, les gens de haute compétence qui pratiquent l'invocation au niveau de concentration totale (monoïdéisme) *au cours de cette vie* seront assurés de renaître en Terre Pure. D'autre part ceux dont les capacités sont limitées mais qui sont capables de dix invocations à ce niveau de concentration totale *au moment de leur mort*, y renaîtront également. Donc, l'expression «l'esprit en concentration totale (monoïdéisme) atteignant la renaissance en Terre Pure» s'applique *au moment de la mort*, non pas pendant la vie du disciple. Bien plus, même si nous parvenons habituellement à pratiquer à ce niveau de monoïdéisme, mais que sur notre lit de mort nous changions de méthode, nous n'atteindrions pas cette renaissance en Terre Pure.

En réalité, il n'est pas facile d'avoir au moment de la mort dix pensées avec une concentration totale. A ce moment-là, nous sommes mis face au pouvoir du karma dû à nos fautes présentes ou passées que l'on nomme «karma proche de la mort». Si nous ne pratiquons pas l'invocation au Bouddha avec diligence dans notre vie quotidienne, ce karma du moment de la mort envahira notre esprit. Alors au moment de la mort notre conscience sera perturbée et l'invocation monoïdéiste ne pourra pas se manifester. Dans ces circonstances, comment pourrions-nous parvenir à renaître en Terre Pure?

Il y avait une fois un adepte de l'école Terre Pure qui se plaisait à pratiquer les actes méritoires, mais son invocation quotidienne restait superficielle. Au moment de sa mort il éprouva soudain une aversion pour le nom même de Bouddha et refusa de suivre les injonctions de ses compagnons. Le vénérable maître Yin Kouang en conclut:

*Ceci fut dû au mauvais karma accumulé de temps immémorial, en particulier celui du manque de bonne volonté à prodiguer des conseils et avertissements alors qu'il voyait les autres s'acheminer vers la mort. Ces augures défavorables*

*présagent une naissance imminente parmi les fantômes affamés.*

Le Bouddha Sakyamouni dit un jour à son disciple Ananda: «Certaines personnes accomplissent de bonnes actions toute leur vie mais au moment de leur mort se retrouvent aux Enfers; d'autres commettent toute leur vie du mauvais karma et cependant, à leur mort, renaissent aux cieus. Sais-tu pourquoi?» Ce à quoi Ananda répondit: «Grand Maître, éclairez-nous». Et le Bouddha dit: «La raison pour laquelle les auteurs de bonnes actions peuvent se retrouver aux Enfers est que leur bon karma de cette vie n'a pas encore mûri, alors que leur mauvais karma accumulé de temps immémorial, est arrivé à maturité. Inversement, si ceux qui ont engendré du mauvais karma au cours de cette vie renaissent aux cieus, c'est que ce karma n'est pas encore arrivé à terme alors que le bon karma de leurs vies passées a porté ses fruits. Les bons comme les mauvais karmas s'interpénètrent durant plusieurs vies avant d'émerger – comme pour les dettes, la plus importante est remboursée d'abord. C'est pourquoi le disciple doit être assidu dans sa vie quotidienne et non pas indifférent ou paresseux ».

Nous voyons donc, à l'examen, que l'adepte qui recherche la renaissance en Terre Pure doit s'appliquer assidûment à l'invocation quotidienne. Il lui sera ainsi plus facile d'atteindre le monodéisme au moment de la mort. C'est pourquoi si dans notre pratique quotidienne nous ne sommes pas encore parvenus à l'invocation pure, nous devons nous astreindre à suivre de nombreuses retraites.

### **Soyez fervents dans votre recherche de signes de réalisation**

#### **46) Théorie versus Pratique**

Le noumène peut se comparer aux yeux qui surveillent la route. Les phénomènes sont alors les pieds qui marchent. Sans les yeux, ou avec des yeux malades, il est facile de se perdre. Sans les pieds, même si nous avons des yeux perçants, nous n'aurions aucune chance d'atteindre notre but. «Avoir le noumène sans les phénomènes » serait avoir une carte et connaître le chemin mais refuser d'avancer. «Avoir les phénomènes sans le noumène» serait s'embarquer pour un voyage, sans guide ni itinéraire précis. Disposer du noumène et des phénomènes, c'est non seulement connaître parfaitement son chemin mais aussi se mettre à marcher. Ainsi nous ne manquerons pas d'atteindre la Cité des Lumières.

Noumène et phénomènes, principe et formes, sont donc interdépendants. Si l'un de ces deux

facteurs est absent, tout succès est illusoire. Cependant, même si l'adepte n'a pas été éclairé mais qu'il suive le chemin enseigné par les sages et pratique avec dévotion, lui aussi pourra réussir à atteindre le but. Le chemin est indiqué par les soutras, les commentaires, les biographies des sages et saints, de même que par les textes des anciens maîtres et les bons guides spirituels d'aujourd'hui. Si nous suivons ces enseignements et les intégrons à notre pratique, nous obtiendrons certainement des résultats. Par conséquent il ne faut pas forcément s'alarmer «d'avoir» la pratique sans la théorie. Il y a lieu de s'inquiéter davantage de comprendre la théorie mais de ne pas la mettre en pratique. Ceux qui agissent ainsi peuvent discourir sans fin, élaborant sur le mystérieux et le merveilleux, mais de leur vie entière ils n'avancent pas d'un pouce.

En fait, ceux qui ne pratiquent pas ne comprennent pas vraiment la théorie non plus. Pourquoi donc? Prenons pour analogie une personne sachant que sa maison est en feu mais qui reste à l'intérieur sans même chercher à s'échapper, sera-t-elle plus avancée que celle qui ne se rend pas compte qu'il y a un incendie?

En conclusion, le Dharma peut venir en aide à ceux qui sont ignorants mais ne peut sauver ceux qui sont érudits et intelligents mais refusent de pratiquer.

\*\*\*

Il advint autrefois qu'un disciple du Bouddha particulièrement limité, du nom de Suddipanthaka, n'avait pu

apprendre que deux mots, «balai» et «balayer», sur lesquels il lui fut demandé de méditer. Il était si stupide que lorsqu'il se rappelait l'un de ces mots, il oubliait l'autre. Et pourtant il finit par devenir Arhat grâce à sa persévérance, car il n'omettait jamais de pratiquer. Par contre, Devadatta, le cousin du Bouddha, qui était intelligent et avait maîtrisé les cinq pouvoirs supra-normaux, finit par descendre aux enfers parce qu'il convoitait célébrité et fortune et manquait de vraie pratique.

Nous voyons donc que, même si nous connaissons à fond le Tripitaka, nos connaissances et notre compréhension sans la vraie pratique resteraient inutiles. Ceci parce que nos obstacles karmiques accumulés de temps immémorial restent entiers et ne sont pas réduits le moins du monde. Comment pourrions-nous donc nous comparer à une vieille aide-cuisinière couverte de suie, qui pratique sans faillir l'invocation au Bouddha? Un jour elle atteindra la totale concentration d'esprit et, en paix, se retrouvera assise sur un lotus épanoui!



Les gens qui, toute leur vie, cherchent à comprendre le Dharma en basant leurs raisonnements sur les manifestations et les formes – espérant ainsi devenir des savants bouddhistes sans se livrer à la vraie pratique – sont sûrement dans une position semblable à ceux qui peuvent énoncer des listes de plats succulents mais doivent endurer la faim, ou à ceux qui comptent l'argent des autres alors qu'ils restent eux-mêmes pauvres et sans ressources. Le Bouddha Sakyamouni a comparé ces gens-là à des musiciens sourds jouant du violon pour les foules ou à des marchands colportant toutes sortes d'onguents merveilleux mais oubliant qu'ils sont eux-mêmes affligés de bien des maux.

Ceux qui sont résolus à étudier le Dharma doivent être très attentifs à ce point.

#### **47) L'invocation au Bouddha – essence et pratique**

L'invocation au Bouddha comporte deux aspects – l'essence et la pratique. D'après le vénérable maître Ngeou-y (Ou-l):

*L'invocation-pratique revient à croire qu'il y a une Terre Pure à l'Ouest et un Seigneur Bouddha du nom d'Amitabha, sans toutefois réaliser que, « cette conscience crée Bouddha, cette conscience est Bouddha ». Elle consiste à chercher résolument à renaître en Terre Pure et à invoquer aussi ardemment qu'un enfant appelle sa mère, ne l'oubliant pas un seul instant.*

L'invocation-essence, d'un autre côté, consiste à croire et à comprendre que le Bouddha Amitabha existe de façon inhérente et totale dans l'esprit, est créé par l'esprit, et de faire de ce nom sacré (qui existe de façon inhérente et totale dans l'esprit et est créé par l'esprit) le point de convergence de notre invocation, sans un seul moment d'inattention.

Autrement dit, l'invocation-pratique (l'invocation temporelle) est la méthode de ceux qui ne comprennent rien à la signification profonde de l'essence, mais se contentent de croire qu'il y a une Terre de Suprême Bonheur et un Bouddha nommé Amitabha et invoquent avec zèle et ferveur ce Bouddha en aspirant à renaître en cette terre.

*L'invocation-essence (l'invocation spirituelle), est la méthode de ceux qui pratiquent de façon identique, mais qui en réalisent profondément que la Terre Pure et le Seigneur Amitabha ressortent du pur esprit et sont manifestés par les remarquables vertus du véritable Pur Esprit.*

*Ceci étant dit, y a-t-il une différence entre l'invocation-pratique, et l'invocation-essence ? Bien sûr que oui. Ceux qui suivent l'invocation-pratique voient Bouddha Amitabha comme étant à l'extérieur de l'esprit ; par conséquent, la dualité sujet/objet subsiste. Cette pratique-là n'est donc pas vraiment parfaite – elle n'englobe pas tout, tandis que ceux qui pratiquent l'invocation-essence conçoivent entièrement le véritable esprit et peuvent éliminer l'opposition sujet/objet, réunissant ainsi l'esprit et le*

*royaume* <sup>62</sup> – *l'invocation est Bouddha, l'invocation est esprit.*

Voici une anecdote ; une nuit, un maître, ami de cet auteur, rêva qu'un moine en robe safran

---

<sup>62</sup> « Esprit et Royaume »

Bouddha Amida n'est pas éloigné de qui que ce soit. Sa Terre de Pureté est décrite comme étant très loin à l'Ouest mais elle est aussi au sein de l'esprit de ceux qui désirent fermement y renaître. A ceux qui ont la foi il offre l'opportunité de s'unir à Lui. Comme ce Bouddha est le symbole même du principe de l'égalité, quiconque pense au Bouddha, en retour le Bouddha pense à lui et pénètre librement son esprit.

Cela signifie que quand une personne pense à Bouddha il a l'esprit Bouddha dans sa perfection de pureté, de bonheur et de paix. En d'autres termes, l'esprit de l'adepte est un esprit-Bouddha.

De point de vue ultime, la Terre Pure n'est pas à considérer comme un lieu existant dans le sens que les êtres ordinaires sont prédisposés à le comprendre. L'admonition contre une telle interprétation de la Terre Pure est trouvée dans le passage suivant : « Les gens ordinaires qui entendant naissance en Terre Pure l'interprètent comme une naissance et entendant non-naissance le comprennent comme une non-naissance, échoueraient alors dans la compréhension de la similitude entre naissance et non-naissance d'une part et entre non-naissance et naissance d'autre part.

Cependant, les maîtres de la Terre Pure admettent que ; étant donné les capacités ordinaires des êtres non éveillés, ceux-ci n'ont pas d'autre choix que de considérer la Terre Pure comme existant...

La présentation objective de la Terre Pure correspond au façonnement émotionnel et intellectuel des êtres ordinaires, dont la capacité permet seulement une compréhension littérale du Sutra..., c'est seulement en développant une affinité avec « l'aspect extérieur » de la Terre Pure que la réalité ultime pourra apparaître.

Cependant, la question demeure à savoir comment les êtres peuvent-ils réaliser l'illumination en s'attachant aux aspects extérieurs de la Terre Pure, cet attachement étant à l'antithèse de la pratique bouddhique fondamentale. T'ao-ch'o, un patriarche de la Terre Pure y répond : « Bien qu'il s'agisse d'un attachement à la forme, cela ne constitue par un lien d'attachement. De plus, la forme de la Terre Pure étant discutée ici équivaut à la forme sans souillures, à la former vraie...

C'est comme allumer un feu sur de la glace, tandis que le feu s'intensifie, la glace fond, quand toute la glace a fondu, le feu s'éteint. D'après cette explication, un être ordinaire est capable de « pénétrer » le royaume ultime sans une compréhension complète de la nature ultime. Ce procédé habile, utilise la forme (enracinée dans la vérité) pour la transcender et atteindre la non-forme. Cet état étant réalisé, l'attachement antérieur à la forme disparaît » (Kenneth K...).

Tandis que nous récitons « Namo Amitabha Bouddha », nous créons et ornons notre propre Terre de Félicité Ultime. Nous créons tous notre propre Terre de Félicité Ultime qui n'est certainement pas à des centaines de millions de Terres-de-Bouddhas d'ici. Même si elle est loin de nous, elle ne se situe pas au-delà d'une seule pensée. Elle n'est pas à des centaines de millions de Terres-de-Bouddhas d'ici, mais juste dans notre esprit. Elle est la vérité originelle de l'esprit, le Vrai Esprit, la Vraie Nature de chacun de nous. Si vous obtenez cet esprit vous renaîtrez dans la Terre de Félicité Ultime... La Terre Pure de l'Ouest est à l'intérieur de notre esprit et non à l'extérieur. En une seule pensée, retournez votre rayonnement vers l'intérieur. Sachez que vous êtes le Bouddha et que votre état originel de Bouddha est la Terre de Félicité Ultime.

venait lui poser la question: «Tu pratiques l'invocation au Bouddha, mais qu'entends-tu par Bouddha?» A quoi il répondit: «Bouddha est esprit.» Mais le moine insista: «Pourquoi ne pas m'expliquer ce que tu veux dire par l'expression « Bouddha est esprit?» Alors, cet ami, dans son rêve, improvisa les vers que voici:

*En égrenant le chapelet, chaque prononciation  
du nom du Bouddha est esprit,  
Il est clair que Bouddha est esprit,  
Pourquoi perdre du temps à sa recherche?  
L'océan de sagesse de Bouddha réunit l'esprit  
et son royaume,  
L'esprit et Bouddha ne font qu'un.  
Abandonner l'esprit pour suivre Bouddha  
C'est se mouvoir en rêve,  
S'attacher à Bouddha comme esprit  
N'est pas encore le comprendre parfaitement;  
L'esprit et le Bouddha sont tous deux du  
domaine du rêve et de l'illusion,  
Transcender Bouddha et transcender l'esprit,  
C'est parvenir à la Cité des Lumières.  
Ce maître avait compris l'essence de  
l'invocation au Bouddha, unissant le nom du  
bouddha au règne de l'esprit.*

\*\*\*

Une idée fausse demandant à être expliquée circule parmi ceux qui sont attirés par les domaines subtils et mystérieux. Beaucoup de ceux qui insistent sur la théorie plus que sur la pratique, ont tendance à rester attachés aux concepts: «Amitabha est notre nature, la Terre Pure est esprit», et rejettent l'existence de la Terre Pure de l'Ouest et l'idée que l'on puisse y renaître. Ces gens-là expliquent l'enseignement des soutras sur la Terre Pure du point de vue ou de l'essence, en disant: «Amitabha est notre propre nature de Bouddha, la Terre Pure est le domaine de la pureté en notre esprit, pourquoi les chercher en dehors de nous?» Là est la grande erreur de ceux qui insistent sur un raisonnement ordinaire. Ils mettent l'accent sur le noumène, l'essence, le côté théorique, et négligent la pratique. Ils préfèrent l'essence, le côté théorique aux faits et s'appuient sur la Suprême Vérité pour rejeter les manifestations de vérités terre à terre – ne se rendant pas compte que les deux sont inséparables.

D'après le *Traité sur l'Eveil de la foi Mahayana*, l'esprit pur a deux aspects: sa nature et ses manifestations. Son aspect de nature est appelé Porte-de-la-Véritable-existence, l'aspect de ses manifestations est la Porte-des-naissances-et-des-morts. La véritable existence est inséparable de la naissance et de la mort; naissance et mort sont la véritable existence. C'est pourquoi le patriarche Asvaghosha appelait la véritable-existence « Trésor de la quasi-vraie vacuité » et la naissance-et-la-mort « Trésor de la quasi-vraie non-vacuité ». La véritable existence et la naissance-et-la-mort ont la même nature de la quasi-vérité.

Prenons pour exemple le vaste océan. Nul ne peut concevoir l'eau mais rejeter les vagues. Cela reviendrait à être dans l'erreur sur les manifestations de l'océan et à ne pas comprendre ce que l'océan est vraiment. Donc, quand nous abandonnons les phénomènes (la pratique), le noumène (la théorie) ne tient plus, quand nous rejetons les apparences, l'essence n'a plus d'existence.

Beaucoup d'individus – dont l'éducation religieuse a été superficielle – au moment où ils étudient les soutras Mahayana, sont victimes de cette maladie d'attachement à la « vérité du vide », surtout quand ils en viennent aux textes sur la Perfection de la Sagesse qu'ils ne comprennent pas complètement. Ils expliquent donc du seul point de vue nouménal les soutras qui font l'exégèse des formes et manifestations, tels que les soutras Terre Pure ou le *Soutra du Bodhisattva Ksitigarbha (Earth Store)*. Ils prennent alors ces soutras pour des écrits destinés à ceux dont les capacités sont limitées. Et pourtant, ce sont eux qui se trompent !

A ce propos je citerai quelques extraits de ces soutras, pour détruire cet attachement à la vacuité.

Extrait du *Soutra du cœur*.

*Il n'y a pas de sagesse et il n'y a pas d'accomplissement quel qu'il soit. Parce qu'il n'y a rien à accomplir, un Bodhisattva imbu de la sagesse n'a aucun obstacle à l'esprit. Et parce qu'il n'y a pas d'obstacle, il n'a pas de crainte et il atteint le suprême Nirvana. De même, les Bouddhas passés, présents et futurs «ont atteints» la Lumière Suprême pour s'être fiés à la Perfection de la Sagesse.*

*Au début, en accord avec la Vérité Suprême, le Bouddha Sakyamouni disait «il n'y a pas d'accomplissement quel qu'il soit». Puis, selon la vérité conventionnelle, il dit «Les Bouddhas passés, présents et futurs ont atteint la Lumière Suprême». Voir un «accomplissement» c'est s'attacher à l'existence. Voir le «non-accomplissement», c'est s'égarer dans la direction de l'attachements au vide. Les adeptes doivent donc comprendre parfaitement la signification profonde des soutras et choisir la Voie Moyenne.*

Dans le *Soutra du Diamant*, le Bouddha Sakyamouni déclare :

*Celui qui me cherche dans le monde phénoménal*

*Ou qui ne m'invoque qu'en parole,*

*Celui-là est un vrai hérétique.*

*Comment peut-il voir le Tathagata?*

Cependant, le Bouddha poursuivit:

*Subhuti, ne crois pas l'inverse non plus, ne crois pas que lorsque le Tathagata atteint l'illumination suprême, ce ne fut pas parce qu'il possédait les trente-deux marques physiques d'excellence. Si tu pensais cela, alors, dans ta pratique à la recherche de l'illumination suprême, tu jugerais que tous les systèmes concrets et toutes les conceptions des choses et événements sont*

entièrement à rejeter et tu verserais dans le nihilisme. Ecarte cette pensée. Pourquoi? Parce que lorsqu'un disciple règle sa pratique sur l'aspiration à l'illumination suprême, il ne doit ni s'attacher à telles conceptions arbitraires des phénomènes et des choses, ni les rejeter.

Le Bouddha Sakyamouni nous a donc enseigné dans un premier temps de ne pas nous fier aux sons, aux formes ni aux faits dans notre recherche de la Voie. Mais dans un deuxième temps il nous a rappelé que parallèlement, nous ne devons pas renoncer aux sons, aux formes et aux faits, et que nous ne devons pas démolir toutes les doctrines. Nous voyons par là que la Voie ne tient ni des formes ni du vide, et que s'attacher soit à l'un soit à l'autre est un peu judicieux. Comme le disait un jour un célèbre moine Zen :

Lorsque le moine qui vous parle ne faisait pas encore partie de l'Ordre, il y a plus de trente ans, il percevait les rivières comme des rivières et les montagnes comme des montagnes. Après avoir suivi l'enseignement de bons guides spirituels, il vit les rivières comme non-rivières et les montagnes comme non-montagnes. Aujourd'hui qu'il a atteint l'éveil et l'état de vide, il se rend compte que les rivières ont toujours été rivières et les montagnes toujours montagnes.

Un fameux maître Zen exprimait autrement la même pensée :

*Le chant de la rivière est la voix de la langue du Bouddha, immensément grande;*

*La forme de la montagne est originellement le pur « corps du Dharma ».*

*Le sens de ce poème est que formes, sons et toutes manifestations matérielles sont intrinsèquement la Voie sublime. Nous devons les comprendre avec un esprit ouvert, sans nous y attacher et sans cependant les rejeter et rechercher l'illumination sur le plan du vide creux (ce qui serait contraire à la Vraie Vacuité). L'expression Nature Propre d'Amitabha, Terre Pure de l'Esprit n'est donc pas un rejet de la Terre Pure ni de Bouddha Amitabha mais au contraire une façon d'harmoniser le concret avec l'immatériel, la fonction avec l'essence, pour rendre évidente la Suprême Vérité de la Vacuité. Dans cette vérité ultime, les Bouddhas eux-mêmes n'existent pas, sans parler des autres dharmas.*

*Les anciens disaient :*

*Si la théorie (noumène) peut se concevoir en un éclair,*

*Les actes de la pratique doivent se conquérir pas à pas.*

*Même dans la pratique du Zen, que l'on dit être une méthode « directe », nous restons dans la sphère des « expédients » aussi longtemps que nous devons rester assis en méditation, ou nous recueillir, ou méditer sur un koan, ou entrer en concentration et en sortir. De plus, dans le domaine de la*

*métaphysique, il y a plusieurs niveaux de réalisations. Ce n'est qu'après avoir atteint un perfectionnement intérieur élevé que nous pouvons nous dispenser des expédients et librement déclarer que tous les dharmas sont vides. Tant que nous n'avons pas atteint ce stade, le plus petit grain de poussière est réel ; nous sentons toujours la chaleur du feu et le froid du gel, nous ressentons la douleur de l'épine qui nous perce. Comment alors pourrions-nous dire que tous les dharmas sont vides et non-existants ?*

*Par conséquent, ceux qui se plaisent à énoncer des vérités pompeuses et merveilleuses telles que « Amitabha est la nature du soi, la Terre Pure est seulement esprit » et qui ainsi rejettent la pratique concrète de l'invocation au Bouddha, se placent eux-mêmes dans la situation regrettable de ceux qui « détruisent le bateau avant d'atteindre le rivage ». Il périront inévitablement. Ceux qui, au contraire, comprennent vraiment ce qu'est l'essence, ont, depuis toujours, particulièrement respecté la pratique, car ils savent que la pratique est le symbole de l'essence.*

*De l'invocation au Bouddha, les anciens avaient coutume de dire :*

*Seuls ceux qui sont doués de sagesse peuvent englober nature et forme, dans une compréhension totale et vraie.*

*Quant à nous, nous avons intérêt à nous en tenir aux formes dans notre pratique Terre Pure; plus nous les respecterons, plus notre pratique sera efficace.*

*Plus nous respectons les formes, plus notre détermination à atteindre la renaissance en Terre Pure sera profonde. Une fois la reconnaissance acquise, nous serons naturellement éveillés à la « vraie forme ». On peut discuter à l'infini sur la théorie et la pratique, le noumène et les phénomènes, la nature et les formes, l'essence et l'existence. Si nous saisissons ce concept nous comprendrons tout. Je souhaite que mes condisciples réfléchissent à cette question avec la plus grande attention, évitant ainsi de s'égarer dans leur pratique de la Voie.*

\*\*\*

L'auteur en était là de son manuscrit lorsqu'un bouddhiste laïque lui posa cette question: « J'ai entendu, de la bouche des maîtres Zen assez accomplis que les disciples intelligents ne devraient pas perdre leur temps et leur énergie dans cette illusion qu'est l'invocation mais devraient porter tous leurs efforts sur la concentration et les pensées pures. Un véhicule vide se déplaçant mieux, gardons le léger, ne le chargeons pas de poids inutile! Or je ne sais pas comment répondre à ce genre de raisonnement. Pourriez-vous m'éclairer sur ce point? ».

Voici ma réponse: L'objectif suprême du Zen est le « Samadhi sur ce qui est vraiment ». Le

véritable but de la méthode Terre Pure est le «Samadhi de l'invocation au Bouddha». Le «Samadhi sur ce qui est vraiment » est de l'or en barres ; le «Samadhi de l'invocation au Bouddha», de son côté, peut être comparé à des bracelets, colliers et autres bijoux en or. Les deux Samadhis sont faits du même métal. Donc, quand nous atteignons le «Samadhi de l'invocation au Bouddha», nous avons aussi atteint «le Samadhi sur ce qui est vraiment». Cette dernière est exclusivement centrée sur la sagesse alors que celle de l'invocation comprend non seulement la sagesse mais aussi mérites et vertus. Ceci parce que l'adepte de la Terre Pure reçoit (outre le monodéisme sur lequel se fonde la pratique Zen) les bénéfiques des vertus qui vont de pair avec l'invocation. Il faut cependant noter que le stade de Samadhi, soit sur «ce qui est vraiment», soit sur « l'invocation du Bouddha », ne peut être atteint en une seule vie; c'est le résultat de siècles et de siècles de pratique assidue. Et ceci est encore plus vrai pour les êtres vivants à notre ère de Déclin du Dharma.

Par conséquent, bien que «le Samadhi de l'Invocation » soit un but de la méthode Terre Pure, elle n'en est pas l'objectif principal. L'objectif principal et essentiel est la renaissance en Terre Pure pour arriver au stade de Non-Retour. *C'est là la caractéristique qui différencie la Terre Pure des autres écoles, et qui lui donne son nom.*

Ceci est précisément la raison pour laquelle tant de maîtres Zen, une fois éveillés à la Voie, changent d'orientation et pratiquent l'invocation au Bouddha en recherchant la renaissance en Terre Pure. Invoquer le nom du Bouddha et s'incliner devant ses images requièrent des efforts, mais apportent des vertus et des mérites supplémentaires résultant des efforts du corps et de la parole.

Prenons l'exemple d'un camion en provenance de la ville de montagne de Dalat et retournant à Saigon. S'il revient vide après avoir déchargé sa cargaison, il sera, bien sûr, plus léger. Mais s'il rapporte un chargement de primeurs et autres produits de la ferme, non seulement il arrivera aussi bien à Saigon, mais ses propriétaires auront, de plus, une nouvelle provision de produits frais. C'est le résultat naturel de l'enchaînement de cause à effet que de recevoir des mérites et des indulgences supplémentaires grâce aux efforts soutenus d'une invocation zélée. Dans ces conditions, comment pourrait-on y perdre? De plus, s'il peut être pénible de réciter et de se prosterner, cela n'est vrai qu'au début. Une fois que l'invocation au Bouddha est devenue une seconde nature, elle se fait au niveau de la conscience pure et n'offre plus aucune difficulté.

(à suivre)

## LE SUTRA DE LA VUE JUSTE ou La Transformation de la conscience spirituelle lors des renaissances et des morts

Kinh Kiến Chính hay Sinh Tử Biến Thức  
\*

Traduit du Chinois en Vietnamien par le  
Très Vénérable Thích Trí Hải

Traduction française:  
Bhikṣuṇī Thích Nữ Linh-Hào  
et upāsikā Diệu Phương

**L**es disciples! Supposons que l'on fasse bouillir de la soie pour la faire blanchir. Ensuite, on la teint de la couleur désirée qui est bleue, jaune, noire ou rouge. La couleur blanche d'origine a disparu. Cette soie ne peut donc plus reprendre sa couleur blanche d'origine.

Le cycle des renaissances et des morts est comme le changement de couleur de la soie. L'esprit spirituel ne peut pas maintenir sa nature ordinaire, parce qu'il est dirigé par des actions karmiques qu'il a créées.

La personne qui n'a pas accompli «l'oeil du Dharma pur» (pháp nhãn tịnh, vn.) ne peut pas connaître les faits de l'existence précédente, car elle ne s'appuie que sur des méthodes, des moyens et des faits présents pour former des idées dans sa mémoire. Mais la durée d'une vie comporte des myriades de pensées, c'est la raison pour laquelle l'esprit spirituel doit suivre ses actions karmiques soit vertueuses soit non vertueuses pour recevoir des rétributions correspondantes.

Au moment où l'esprit spirituel reçoit de nouvelles rétributions, il oublie les faits antérieurs immédiatement. Parce que le chemin des renaissances et des morts est le chemin des ténèbres qui s'est formé ainsi.

Pour connaître le va-et-vient de l'esprit spirituel dans son parcours d'existences, l'être doit écouter, lire, apprendre et méditer largement les enseignements de la Doctrine Authentique pour comprendre à fond la source des causes formelles du corps et de l'esprit pensant.

A ce moment-là, l'être comprendra précisément comme la personne qui vient de sortir du sommeil, et il n'y a rien qu'il ne verra pas clairement».

Le Bouddha continua: «Les disciples! L'esprit spirituel est la source de connaissance idiote (āyatana, skt. - pháp, vn.). Pendant son vivant, l'esprit spirituel cultive des affaires soit positives soit négatives et il doit s'appuyer sur ces actions karmiques pour recevoir un corps similaire



soit beau soit laid. De même pour le feu: si du bois est en train de brûler, la flamme brille, mais dès que le bois est fini, le feu s'éteint. De ce fait, si l'esprit spirituel ne cultive ni de mauvaises actions ni de bonnes actions, il ne recevra rien en rétribution.

La personne qui n'a pas acquis l'illumination doit se plonger dans le cycle d'existences, lequel tourne en rond sans cesse de telle sorte que l'être ne peut plus connaître les faits précédents comme le miroir taché par des saletés est terni, ne peut refléter le visage.

La conscience est couverte par des idées erronées tandis que le cycle des renaissances et des morts change toujours. Cependant, l'esprit spirituel n'endure que des souffrances, de la tristesse et de l'effroi, lesquels le captivent dans le cercle de la calamité ou de la bénédiction et le font oublier tous les événements antérieurs.

De façon analogue, en regardant dans un miroir sale ou de l'eau trouble, quoiqu'il y ait beaucoup de poissons et d'insectes tout au fond, l'être ne voit rien.

Le cycle des renaissances et des morts est déjà une affaire troublée, tandis que la tracasserie et la tristesse couvrent la vie sans répit. C'est précisément pour cette raison qu'à chaque changement de vie, l'esprit spirituel oublie les faits anciens comme l'être regarde dans l'eau trouble ou ferme les yeux en marchant dans la nuit noire, il ne voit alors aucune chose.

Le chemin des renaissances et des morts est le chemin ténébreux où l'esprit spirituel doit suivre le courant des actions vertueuses ou non vertueuses pour recevoir des rétributions soit heureuses soit malheureuses. Tous ces événements dépendent de l'influence des actions karmiques. L'esprit spirituel ne sait que les suivre comme un aveugle ferme encore les yeux pour marcher».

Le Bouddha enseigna: «Les disciples! Maintenant Je suis le Bouddha, J'ai «les yeux de sagesse», Je vois visiblement l'affaire des renaissances et des morts de toutes sortes d'êtres sensibles dans les trois mondes comme Je vois le fil de soie coloré enfile les grains d'un chapelet de cristal quoique ce fil soit de couleur bleue, jaune, rouge ou blanche.

Le Bouddha voit le cycle des renaissances et des morts des êtres sensibles clairement comme Il voit des poissons au fond d'une eau limpide ou qu'Il regarde sur un grand pont où toutes sortes d'êtres sensibles vont et viennent dans les cinq voies sans cesse. Ou bien, comme le Bouddha est sur la cime d'une haute montagne en regardant de loin, il y a rien qu'Il ne voit pas clairement.

La connaissance universelle du Bouddha est insurpassable, Il voit clairement le noumène et les

phénomènes (sự lý, vn.) du cycle d'existences. Il n'y a aucune chose qu'Il ne peut distinguer».

Le Bouddha continua: «Les disciples! Vous devez appliquer exactement les enseignements que Je vous enseigne maintenant, vous pouvez supprimer les défiances, comprendre et voir précisément les faits sur cent milles kalpa<sup>10</sup> d'existences.

Vous devez non seulement apprendre mais aussi pratiquer sérieusement les « Trente-sept auxiliaires de l'Eveil » pour cueillir le fruit d'éveil du chemin de la libération, ce sont les méthodes suivantes:

• Méditez sur les « Quatre fixations de l'attention » (catvārisṃcṭyupasthāna, skt. - tứ niệm xứ, vn.).

<sup>10</sup> **Kalpa** : L'ère cosmique. Une ère cosmique est tellement longue qu'on ne peut pas la calculer par des jours, des mois ou des années. Il y a trois catégories de kalpa : **1. Petit kalpa** : Supposons que la vie d'un être humain commence par 10 ans comme âge moyen. Tous les 100 ans, la durée de vie augmente d'un an, ce qui donne 11 ans comme durée maximum de vie d'une personne etc... jusqu'au moment où la durée de vie arrivera à 84 000 ans. Voilà le *kalpa augmenté*. Puis reprenons la période de 84 000 ans, tous les 100 ans la vie diminue d'un an etc... jusqu'au moment où l'âge moyen d'un être sera de 10 ans maximum. Voici le *kalpa diminué*. Une augmentation et une diminution font 16 800 000 ans. C'est le **Petit kalpa**.

**2. Moyen kalpa** : On prend ce petit kalpa ci-dessus multiplié par 20 fois.  $16\ 800\ 000 \times 20 = 33\ 600\ 000$  d'années. Voilà un **Moyen kalpa**.

**3. Grand kalpa** : **1.** Lorsque le **Moyen kalpa** s'est écoulé pour la 1<sup>ère</sup> fois. Cela est nommé le **kalpa de la formation** (Kiếp thành, vn.). **2. Le Moyen kalpa** s'est écoulé pour la 2<sup>ème</sup> fois, il est appelé le **kalpa de maintien** (kiếp trụ, vn.) **3. Le Moyen kalpa** s'est écoulé pour la 3<sup>ème</sup> fois, il s'est appelé le **kalpa de la destruction** (kiếp hoại, vn.). **4. Le Moyen kalpa** s'est écoulé pour la 4<sup>ème</sup> fois, il est appelé le **Kalpa du vide** (kiếp không, vn.).

L'ensemble de ces 4 Moyens kalpas (Formation, Maintien, Destruction, Vacuité) font **Un Grand Kalpa** =  $33\ 600\ 000 \times 4 = 134\ 400\ 000$  d'années.

Dans les mondes des 10 directions, toutes sortes de choses doivent passer par ces 4 périodes de la « formation, installation, destruction et vide » citées ci-dessus. C'est pour cette raison qu'on peut dire qu'un grand kalpa est une vie d'un monde. On peut trouver dans le Sūtra l'exemple suivant pour signifier la durée d'un kalpa : Prenons un grand bloc de pierre de 40 miles carrés. Tous les 100 ans, on prend une robe très légère de fée qui l'affleure légèrement une fois... le moment où ce bloc de pierre est totalement usé est un kalpa. On l'appelle kalpa de pierre (kiếp thạch). Chez les êtres vivants, ces 4 périodes sont appelées: la naissance, la vieillesse, la maladie et la mort. (Dict. des termes bouddhiques. p. 108. Đoàn Trung Còn).

• Pratiquez les « Quatre abandons parfaits » (catvāri samyakpārdhāna, skt. - tứ chánh cần, vn.).

• Les « Quatre membres miraculeux » ou « Quatre fondements des pouvoirs surnaturels » (çddhipāda, skt. - tứ như ý túc, vn.)

• Les « Cinq facultés ou pouvoirs » (pañcendriya, skt. - ngũ căn, vn.).

• Les « Cinq forces » (pañcabala, skt. - ngũ lực, vn.).

• Les « Sept facteurs ou branches de l'Eveil » (saptabhodyaiga, skt - thất giác chi, vn.) et

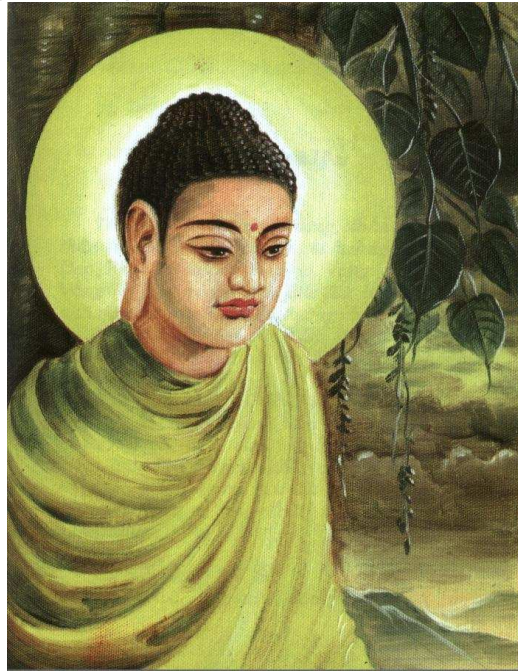
• Le chemin octuple des ārya ou octuple noble sentier (aṣṭaāryamārgaṅga, skt. - bát chánh đạo, vn.).

Pratiquez ces méthodes pour éliminer les obstacles et détruire les trois poisons qui sont :

l'avidité, la colère et l'ignorance. De la sorte, vous pouvez déchirer le filet de défiances, voir clairement les objets matériels purs (abhutika skt. - pháp, vn.)<sup>11</sup> en obtenant la connaissance d'Eveil. A ce moment-là, vous pouvez connaître à fond les événements des trois temps comme vous regardez sur un miroir propre où tout peut se refléter.

De plus, les disciples ! Normalement, les êtres humains doivent être accompagnés par leur actions karmiques soit vertueuses soit non vertueuses, ils ne peuvent pas retourner à leur ancien lieu de vie pour prévenir des faits sauf les personnes qui atteignent le niveau des « trois dons de la vue pure »<sup>12</sup>.

Les personnes qui n'ont pas acquis ces « trois dons » ne connaissent pas les faits antérieurs parce qu'elles sont empêchées par les six consciences<sup>13</sup> et que l'oeil physique (l'oeil



<sup>11</sup> **Les objets matériels** qui surgissent des éléments et sont sujets à la transformation. (Dictionnaire Encyclopédique du Bouddhisme p. 173. P. Cornu - Seuil).

<sup>12</sup> **Trois dons de la vue pure :** Les yeux qui peuvent voir, connaître et comprendre à fond les choses.

<sup>13</sup> **Les six consciences :**

**1.** La conscience de l'oeil (cakṣur vijñāna, skt. - nhãn thức vn.)

**2.** La conscience de l'oreille (śrotra vijñāna, skt. - nhĩ thức, vn.)

**3.** La conscience du nez (ghrana vijñāna, skt. - Tỹ thức, vn.)

humain) n'est pas capable de voir loin. C'est précisément pour cette raison que les défunts ne peuvent pas retourner à l'ancien lieu de vie pour donner des nouvelles. En conséquence, les ignorants considèrent qu'il n'existe rien après le décès.

Les personnes qui n'ont pas atteint le stade d'Eveil poursuivent des affaires défavorables, se plongent dans l'océan de l'ignorance, où le cycle des renaissances et des morts les attachent. Ils doivent y subir la transformation d'un corps à un autre, dont les yeux physiques ne voient que les choses présentes. Ainsi, l'être vient de quitter un corps et d'en prendre un nouveau, qui est le corps de la naissance, la vieillesse, la maladie et la mort, lesquels le troublent misérablement. C'est précisément pour ces raisons que l'être ne sait

pas que l'esprit spirituel doit poursuivre des actions karmiques soit positives soit négatives pour recevoir en retour des rétributions heureuses ou malheureuses.

Regardons les événements actuels pour connaître clairement ce sujet. Pourquoi les êtres s'aiment ou se détestent ? Pourquoi y-a-t-il la chance, la malchance, l'intelligence, l'inintelligence, des beaux et des laids, la bénédiction ou la calamité etc... ? Ce sont des preuves qui témoignent des rétributions des vies précédentes. Parce que les personnes qui n'ont pas acquis les « trois dons de la

vue pure » qui sont « la vue avancée, l'ouïe omniprésente et la connaissance approfondie des choses », ne voient pas, n'entendent pas et connaissent les choses de façon mouvante en formant des doutes.

Les ignorants ne savent pas que les êtres sensibles sont nés d'eux-mêmes en ce monde-ci par les fruits de « l'ignorance initiale ». Aucun des êtres vertueux<sup>14</sup>, ceux qui se conduisent bien, ne veut chercher à comprendre et à fouiller les faits

**4.** La conscience de la langue (jihvā vijñāna, skt. - thiệt thức, vn.)

**5.** La conscience du corps (kāya vijñāna, skt. - thân thức, vn.)

**6.** La conscience mentale (mano vijñāna, skt. - ý thức, vn.)

<sup>14</sup> **Les êtres vertueux :** ceux qui pratiquent des disciplines morales, le recueillement méditatif et la sagesse en détruisant l'avidité, la colère et l'ignorance.

des vies précédentes pour retourner à l'ancien lieu de vie en vue d'apporter des preuves précisément.

De façon analogue si un mutilé du bras veut écrire ou travailler, ou bien si un aveugle veut regarder partout, c'est impossible. C'est la raison pour laquelle le Bouddha doit se manifester en ce bas-monde pour enseigner la Doctrine Authentique pour que l'esprit des êtres sensibles s'éveille.

Par conséquent, ceux qui veulent connaître le va-et-vient de l'esprit spirituel et la rétribution du cycle des renaissances et des morts, doivent apprendre sérieusement les «Trente-sept Auxiliaires de l'Eveil» qui sont des méthodes importantes, des bases fondamentales que le Bouddha a enseignées. Ce sont des méthodes miraculeuses à pratiquer pour pénétrer dans le recueillement méditatif (samādhi, skt.). Celui-ci procurera la sagesse pour que le pratiquant puisse faire son introspection en maintenant, en maîtrisant ses pensées et actions (thân tâm, vn.) pour que l'esprit spirituel devienne pur, vertueux, empli de sagesse. A ce moment-là l'être pourra connaître comment est le va-et-vient de l'esprit spirituel et ses changements.

Les disciples! Vous devez apprendre assidûment ces «Trente-sept Auxiliaires de l'Eveil» pour comprendre à fond les faits de l'esprit et du corps et connaître des méthodes correspondantes pour les subjuguier dans chaque cas auquel vous êtes confronté. N'embrouillez pas vos pensées et conduites (thân tâm, vn.) mais tenez l'esprit bien fort en suivant les règlements de la Doctrine Authentique. Si vous pouvez maintenir votre esprit de cette façon en permanence, les doutes s'effaceront, et vous n'aurez plus de méfiance».

Le Bouddha continua: «Les disciples! L'esprit spirituel n'a que le nom, et non la forme. Il suit les actions karmiques soit vertueuses soit non vertueuses en prenant le corps des quatre grands éléments<sup>15</sup> pour subsistance.

Au moment où les facultés des sens (pancendriya, skt. - sáu căn, vn.)<sup>16</sup> d'un nouveau né ou un petit enfant ne sont pas encore développées suffisamment, la connaissance de l'esprit spirituel est encore faible.

Quand l'enfant grandit, ses six consciences s'accroissent, l'esprit spirituel s'entraîne aux manières courantes, s'adonne aux désirs, aux passions de plus en plus jusqu'à être vieux. Cependant, les quatre grands éléments dépérissent peu à peu en parallèle avec les six consciences jusqu'à la fin de la vie.

Examinons les variabilités ininterrompues des affaires humaines, à partir du moment de la

naissance jusqu'à la vieillesse, l'être ne peut pas se souvenir de tous les incidents des vies antérieures. Toutes choses doivent être transformées dans le fœtus, dans un endroit étroit, obscur et sale qui couvrent l'esprit et le corps. Cependant, ce fœtus n'a pas acquis le stade d'éveil (đạo quả, vn), son esprit spirituel doit suivre ses actions karmiques obtues, souillées. De ce fait, si vous aspirez à ce que l'esprit spirituel revienne à l'ancien lieu de vie en toute liberté en témoigner, cela est absolument impossible.

Ceux qui n'ont pas acquis «le fruit de conduite vertueuse» (đạo hạnh, vn.), veulent connaître leurs propres événements des vies précédentes, comme les personnes qui veulent enfileur une aiguille en pleine nuit, ou chercher du feu dans l'eau. C'est précisément pour cela, qu'ils ne réussiront jamais.

Les disciples! Vous devez apprendre assidûment les enseignements de la Doctrine Authentique et de la Discipline Morale que J'ai enseignés en cherchant d'où est venue la source des renaissances et des morts et où ira le défunt après son décès. Pourquoi y-a-t-il des transmigrations et sur quoi l'esprit spirituel s'appuie-t-il pour s'établir? Vous devez approfondir ces sujets afin d'éclaircir les causes conditionnées des choses, parce-que tous les objets matériels (abhutika, skt. - pháp vọng tưởng, vn.) sont illusoires, vides jusqu'au moment où vous pourrez éradiquer les attachements, vous pourrez vous libérer des doutes immédiatement».

Quand le Bouddha eut fini d'exposer ce Sâtra, le disciple «Vue Juste» et les cinq cents upāsaka acquirent le stade de śrotāpanna (tu đà hoàn, vn.)<sup>17</sup> et les cinq cents Bodhisattva bhikūu acquirent la méthode du recueillement méditatif non-rétrogradable (tam muội bất khuynh hời, vn.). Tout le monde circumumbula trois fois le Bouddha et se prosterna devant Lui en Le suivant pour rentrer au Monastère de Jetavana.

**FIN**

<sup>17</sup> **Le stade de śrotāpanna:** Selon la traduction chinoise, śrotāpanna désigne l'accès du pratiquant dans le sphère des Arya (Saint). A ce stade, l'esprit du pratiquant est déjà éclairé, il ne commet plus d'erreurs dues à l'ignorance. Cependant sa septième conscience (Manovijñāna, skt. - Mạt na thức, vn.) tient encore au Moi (ego), c'est pourquoi le pratiquant devra revenir dans le Monde du Désir, au maximum encore sept fois afin d'épurer tous les facteurs mentaux perturbateurs les plus secrets cachés dans la conscience avant d'accéder au grade d'Arhat (celui qui mérite d'être vénéré). (Selon Les Bases Fondamentales du Bouddhisme Mahāyāna, tome III – Les Quatre Nobles Vérités p. 99 édité par Institut de Recherche Bouddhique Linh-Son 94340 - Joinville-le-Pont – France).

<sup>15</sup> **Quatre grands éléments:** Revoir note n° 1 SVP.

<sup>16</sup> **Les facultés des sens:** Revoir note n° 2 SVP.

# Bouddhisme

Trinh Khai

Chapitre V

## La Loi de l'Énergie

«Si on le compare au Ciel et à la Terre, l'homme est moins qu'une mouche, mais comparé au sens : (signification) Le Tao, le Ciel et la Terre sont moins qu'une bulle d'eau, qu'une ombre. Seul l'esprit primordial\*, la véritable essence surpasse le temps et l'espace».

Lao – Tseu

\* Ce même terme se nomme:

- ++ La vraie nature de l'esprit par le **Bouddhisme**
- ++ L'esprit primordial par Lao-Tseu
- ++ L'intelligence supérieure par Einstein
- ++ La Conscience à l'état pur par les **Védantistes.**

Dans notre corps les énergies se manifestent à travers les supports physiques sous différentes formes parmi lesquelles l'énergie-esprit est primordiale et la plus importante c'est elle qui pousse l'homme au sommet des êtres vivants et sensibles et qui lui permet la possibilité de dépasser l'échelle des valeurs Humanité – Animalité.

L'étude de cette «énergie-esprit» présente des difficultés insurmontables, des problèmes insolubles car les pensées, les sentiments, les réactions, le comportement..., le conscient n'ont pas de caractères répétitifs, ne sont ni des stocks, ni identiques à eux-mêmes – furtifs et muables -, ni des modèles mathématiques mais strictement personnels: pour les étudier les méthodes de projection, de transfert d'un exemple sur d'autres ne fournissent que des imitations, des ersatz mélangés à des données inconnues et inconnaissables. *Mes impressions, mes sensations dépendant des contextes endogènes et exogènes, de mes avatars ou de mon ADN n'ont rien de semblable, de comparable avec celles des autres.*

Suivant la logique rationnelle, dans l'étude de son fonctionnement l'esprit ne peut et ne pourra être **à la fois et en même temps** Sujet observateur et Objet observé donc à

l'instant donné « t » il est Sujet OU Objet mais jamais Sujet ET Objet, puis en plus du présent non maîtrisé, le passé n'est plus là, le futur n'a pas encore d'existence.

Aussi en Occident n'aurait - on n'a pas encore trouvé des réponses plausibles, acceptables à ces questions, pourtant depuis plus de 2500 ans Bouddha avait proposé un enseignement composé de méthodes très élaborées, très scientifiques pour résoudre ce problème soi-disant insoluble. Néanmoins le Bouddhisme fait une distinction claire et nette entre ceux, intellectuels bouddhistes, qui comprennent l'enseignement et ceux, érudits (sages) bouddhistes qui, ayant les savoirs acquis plus que les autres, pratiquent l'enseignement de Bouddha avec des résultats réellement positifs....

Selon l'enseignement du Bouddha tout être vivant est composé des parties physiques (formes) et des Énergies (non formes ou vides) parmi lesquelles l'Énergie Psychique, désignée sous le nom le « *soi* » composé de: ***l'Énergie - l'héritage - l'essence de Bodhisattva***, est indestructible et soumise au mode de ***transmigration*** dont le cycle « Samsara » sera: Naître – Vivre – Mourir puis Renaître – Revivre...- la traduction de ce cycle par le mot « réincarnation » induit souvent les lecteurs en erreur. *La continuité de cette loi s'explique de la même façon que la loi de l'Attraction Universelle qui agit sur le spermatozoïde, l'ovule, le fœtus c'est à dire sur l'être avant sa naissance, sur toute sa vie, sur le moment de sa mort, et même sur son corps après sa mort.*

*La science actuelle a démontré par la théorie et confirmé par l'expérience l'existence du couple (Matière-Energie) qui est indissociable (nous y reviendrons plus tard) et que l'Énergie est réellement Indestructible car les « pertes » (consommation) ou « gains » (production) d'énergies ne sont que des échanges entre les entités ou systèmes ainsi définis.*

Comme le processus de cristallisation en milieu liquide, de minuscules petits cristaux se forment en premier lieu puis grossissent au fur à mesure que le liquide perd son énergie calorifique, au moment de la fécondation ou de la pénétration du spermatozoïde dans l'ovule

l'Energie Psychique commence à regrouper petit à petit des *éléments d'emprunt nouveaux* pour former une nouvelle entité, un nouveau système vivant : elle commence à créer la fonction de *Renaître* ou un nouveau cycle de vie puis celle de développer l'assemblage des éléments physiques et les énergies vitales – sages et idiots, forts et faibles.... - en fonction du « bilan – héritage » suivant l'échelle de son espèce pour former un corps vivant. *Le Bouddhisme rejette catégoriquement toute idée que la conscience et la corporéité pourraient naître du Néant.* Voir le chapitre X « **Appendices** »

Dans la *transmigration* cette Energie emporte avec elle le bilan (historique) de tous nos passés, de nos actes positifs et négatifs qui vont résonner sur le futur cycle avec une Equité infaillible et implacable c'est pourquoi pour le bouddhisme, aucune rédemption n'est possible, aucune absolution ou indulgence admise, et aucune Grâce - efficiente requise.

**L'énergie** fait partie d'un domaine très vaste et d'une notion extrêmement compliquée, nous avons vu dans le chapitre plus haut que le couple « **matière-énergie** » est indissociable et que, d'après les études de la science actuelle ou le **principe de la conservation de l'énergie**, l'énergie est indestructible c'est à dire qu'elle migre d'un système à un autre, autrement dit d'un milieu à un autre comme disait Lavoisier: «rien ne se crée, rien ne se perd » mais tout change.

Donc l'énergie (non formes ou vides) peut se manifester sous des multitudes de formes différentes, dans l'univers entier jusqu'aux atomes et dans les plus petites particules. Composée de deux ondes électriques et magnétiques, issue des étoiles la lumière met plusieurs années pour arriver jusqu'à la terre. Ainsi l'Univers se remplit des énergies : ondes lumineuses ou électromagnétiques, radiations, champs magnétiques, champs gravitationnels, ....et une énergie « imaginée » et nommée « constante cosmologique » par A. Einstein, elle démontrait que l'univers n'était pas statique. **Comme le couple « matière – énergie » notre corps se remplit aussi d'énergies.**

*Il est impossible d'imaginer un seul endroit complètement isolé au point de vue énergétique car rien ne peut arrêter certaines radiations*

*cosmiques (les neutrinos traversent en permanence notre corps et la terre entière), les champs de la gravitation qui ne connaissent ni les barrières, ni les obstacles (à l'exception de la distance) et qui pourraient générer des ondes gravitationnelles quand la masse - source changeait de masse ou de position.*

*En permanence nous sommes donc baignés dans des champs énergétiques différents et en même temps nous sommes producteurs et consommateurs d'énergies, récepteur et émetteur d'énergies. Toutes ces notions liées au phénomène d'énergie ne contredisent pas les résultats d'études du Bouddhisme sur cette question liée à notre – corporéité et mental -, cependant ces recherches sur le fonctionnement, le développement, la maîtrise des énergies à l'intérieur de notre corps continuent, depuis plus de 2500 ans, à se développer et commencent depuis un certain temps à intéresser les plus hauts milieux scientifiques occidentaux.*

*D'une façon générale, l'étude des énergies dans certain domaine présente des difficultés importantes car elles sont indestructibles, invisibles, changeantes et décelables seulement à travers d'autres supports physiques ou matières, ainsi nous pouvons imaginer une montagne d'obstacles à surmonter dans les études des énergies à l'intérieur de notre organisme vivant.*

*En physique subatomique, la science a pu démontrer que l'énergie peut être une cause substantielle de la matière : à partir uniquement de l'énergie on arrive à créer des électrons ou photons, et que réciproquement la matière peut se transformer en énergie. Pour commencer les études des énergies vitales et psychique dans le corps humain il est préférable de savoir faire la distinction entre les différentes énergies en jeu dans une réaction chimique et dans une réaction atomique:*

1.- Réactions chimiques:

$A + B \rightleftharpoons C + D$  tous les atomes se trouvant dans (A+B) se regroupent de différentes façons du côté (C + D) donc il n'y avait aucune perte d'atomes et de masse de l'ensemble.

Lorsque vous brûlez un morceau de bois (réaction de combustion exothermique), les atomes de tous ses molécules y compris l'oxygène de l'air se recomposent entre eux

suivant d'autres combinaisons pour donner de nouveaux produits dont les atomes sont les mêmes avant comme après la combustion ; *et l'énergie ainsi obtenue vient de la différence entre les énergies internes de cet ensemble avant et après la réaction: il n'y a pas eu de création, ni de disparition d'énergie, c'est uniquement de la transmigration d'énergie.*

2.- Réactions atomiques (ou de transmutation) : la fission et la fusion.

**La fission** : Atome A  $\Rightarrow$  Atome B, quand A émet des radiations il y a perte de masse d'où création d'énergie calculée par la fameuse formule d'Einstein :  $E = mC^2$  (m = masse perdue et C = vitesse de la lumière dans le vide)

**La fusion** : Atomes C + C  $\Rightarrow$  Atome D, dans cette fusion des atomes de C on observe une perte de masse avec des résultats semblables et des mêmes explications

*Dans cet exemple, la perte de la masse a créé cette formidable énergie qu'on peut observer dans les piles atomiques (fission), dans les explosions nucléaires (bombes A : fission et bombes H : fusion) et dans le cœur des étoiles (fusion) :*

*Il n'y a pas eu de création, ni de disparition d'énergie mais une transformation de la matière en énergie ou une autre façon de s'exprimer c'est un emprunt d'énergie à la matière ou une transmigration d'un état avec forme (matière) à un autre non forme (vide) (énergie).*

3.- Plus haut nous avons cité qu'en physique quantique une particule, électron ou photon, peut se comporter comme une matière (particule) ou une énergie (onde); dans ce cas la cause substantielle entre énergie et matière existe réellement *ou une transmigration réciproque d'un état avec forme à un autre non forme (vide).*

4.- Quand il y a la notion de champs: gravitation – magnétique – électrique ... on parle de potentiel d'énergie ; la lumière n'est autre que la propagation d'énergie sous **forme** de particules ou photons ou **sans forme** (énergie) des ondes électromagnétiques visibles et invisibles.

La transformation de la matière en énergie et réciproquement est une réalité physique confirmée par la science.

Souvent en interprétant les cas cités ci-dessus on utilise les termes de «**création d'énergie**» et de «**disparition d'énergie**», ceci pourrait nous induire en erreur dans la compréhension de cette notion car suivant le **principe de la conservation de l'énergie**, reconnu par la science depuis presque deux siècles, *l'énergie est indestructible ou d'une autre façon de dire, elle ne se crée jamais et ne se perd jamais; elle se transforme ou transmigre d'un milieu à un autre, d'un état à un autre, d'une forme à une autre etc .....comme l'Energie Psychique préconisée par le Bouddha....depuis plus de 2500 ans.*

Partout dans notre corps physique jusqu'au niveau des cellules puis des molécules, des *réactions chimiques* n'apparaissent que pour disparaître, ensuite réapparaissent sans jamais s'arrêter, par exemple dans notre tube digestif, il existe des milliards de bactéries qui travaillent sans cesse pour notre corps et provoquent des milliards de réactions chimiques (nombre de molécules ou atomes entrant en réaction) dans notre intérêt à l'exception du cas des causes pathogènes.

Selon le Bouddhisme dans tout être humain considéré comme une **totalité** composée de : **l'esprit – l'énergie – la matière**, il est irrationnel de les isoler les uns des autres dans les analyses parce que chacun implique les deux autres suivant **la loi de l'Interdépendance** : peut-on imaginer le corps sans l'énergie et l'esprit - c'est de la matière en décomposition -, et inversement l'esprit sans le corps ?. Cependant il est le seul qui soit capable de s'élever au plus haut niveau de l'échelle **des valeurs essentiellement humaines** et atteindre la Connaissance.

Peut-il exister dans un être vivant des *réactions de transmutation*?!

Voici une énigme scientifique dont les scientifiques n'ont pas trouvé des explications rationnelles depuis des années; dans l'expérience suivante, on enlève toute trace de calcium (Ca) dans la nourriture des poules pondeuses jusqu'à ce que la coquille d'œuf pondue soit complètement dépourvue de Ca:

1<sup>er</sup> constat : Apport de Ca = zéro  $\Rightarrow$  production de Ca par la poule = zéro : absence totale de Ca dans la coquille.

En suite on ajoute dans les aliments de cette poule du mica (cristaux de matières minérales sans Ca), après un certain temps :

2<sup>è</sup> constat : Apport de Ca = zéro ==> pourtant la production de Ca par la poule devient plus grande que zéro : la coquille d'œuf contient de nouveau du Ca

L'expérience se poursuit et la somme des quantités de Ca prélevées sur les coquilles dépasse largement la quantité de Ca pouvant se trouver dans l'ensemble des os de la poule :

3<sup>è</sup> constat : Le Ca ainsi produit ne pouvait pas venir des os de la poule

1<sup>ère</sup> Question: d'où vient ce Ca?

2<sup>ème</sup> Question: Y a-t-il vraiment une réaction de transmutation atomique dans le corps d'un être vivant, en particulier dans le corps humain ?

Jusqu'à maintenant ceci est un problème insoluble pour la science car l'étude de telle réaction dans le corps d'un être vivant est presque impossible.

Dans le cas de l'être humain, on a déjà observé des réactions chimiques extrêmement variées, *des émissions de radioactivité de son corps* mais jusqu'à maintenant on n'a jamais pu démontrer que l'énergie peut être une *cause substantielle* d'une des parties de la physique de l'humain.

Comment le Bouddhisme a-t-il traité ce sujet très délicat considéré comme faisant partie de la métaphysique dans laquelle sont classées les énergies «internes» du corps physique?.

Le Bouddhisme ne fait pas la distinction entre les éléments de base composant notre corps physique et ceux se trouvant dans d'autres être vivants et objets animés; pour cette raison, après la mort le corps ou le cadavre n'aura plus aucune considération, et pourrait être incinéré ou utilisé (le parfait recyclage) pour nourrir les vautours (au Tibet) comme J. Christ disait: «Poussière tu redeviendras poussière».

Pour d'autre croyance, on est prêt à tuer des vivants pour protéger les dépouilles mortuaires ou les os desséchés des morts. Selon l'approche du Bouddhisme lorsque les «*énergies vitales*» quittent notre corps – *un assemblage (éphémère) de produits d'emprunt*

(*impermanents*) -, les éléments de base (atomes – molécules – acides aminés...) se disperseront et seront absorbés par d'autres êtres vivants ou objets animés, par des réactions chimiques interposées, pour reconstituer d'autres regroupements (ou groupe) suivant des lois de la Nature.

L'existence de ces énergies est très difficilement prouvée par des analyses chimiques qui ne peuvent non plus trouver une différence quelconque entre la même eau au sommet d'une montagne et au fond d'une vallée pourtant il existe une différence importante d'énergies potentielles, d'énergies cinétiques entre ces deux cas, cependant pour nier l'existence de ces énergies vitales, certains affirment arbitrairement que tout vient des réactions chimiques ou de composants chimiques.(nous y reviendrons plus tard)

La science actuelle confirme ce concept ou cette idée du Bouddhisme que les éléments de base (atomes: Ca, N, O etc...., les molécules: H<sub>2</sub>O, CO<sub>2</sub>..., les acides aminés ..... les protéines .....etc...) de notre corps sont exactement les mêmes que dans les animaux, les insectes comme le vers de terre, dans les objets inanimés.... dans la boue la plus sale, la plus répugnante. Comme le Bouddhisme, elle constate que la différence entre l'humain et le ver de terre consiste dans les différentes formes d'énergies internes dans la fonction de regroupement pour former des composés. Pour cette raison, l'énergie porte de noms différents : énergie physique (cinétique - potentielle - électrique - magnétique – électromagnétique); énergie chimique; thermodynamique (calorie, enthalpie, entropie...), atomique, lumineuse... énergies intra-atomique et inter - atomique etc... comme le couple «matière-énergie» est indissociable, les différentes formes d'énergie sont extrêmement variées... comme celles de la matière.

Prenons l'exemple très simple d'un morceau de fer dont la solidité vient du niveau élevé de son énergie interne ( énergie de regroupement ou de liaisons inter - atomiques), pour vaincre cette énergie il suffit de fournir au morceau de fer une énergie thermique externe par une augmentation de température:

Le Fe solide devient mou, ensuite visqueux, puis liquide, enfin gazeux c'est à dire que les atomes de Fe se détachent complètement du bloc de fer dont l'énergie interne était vraiment vaincue. Pour l'humain, quand les *énergies vitales* quittent le corps physique, alors la mort survient et le processus de décomposition commence: l'énergie de liaison entre cellules, l'énergie interne des cellules .... se dispersent et elles libèrent d'abord les produits volatiles (les gaz comme le H<sub>2</sub>S, ceux issus de la décomposition bactérienne..., l'origine de la puanteur) ensuite d'autres molécules... ainsi de suite. Cette décomposition en sous produits et la libéralisation des composés plus simples se conduisent ainsi pour que les éléments de base recommencent leur cycle avec d'autres regroupements *comme le cycle du Carbone dans la Nature.*

*Pendant plus de 2500 ans le Bouddhisme et les yogistes faisaient des études très poussées sur les différentes formes d'énergies dans notre corps; d'une façon très succincte on essaye de les classer en deux familles: les **énergies vitales** et **l'énergie psychique**, elles sont étroitement liées et interdépendantes.*

*Les énergies vitales apportent la vie à l'ensemble du corps physique ou aux organes et au mental ; à la mort elles se dispersent dans la nature entraînant avec elles la disparition des sensations, des impressions ..... de la conscience.*

*Avec l'évolution des changements ou du temps l'Energie Psychique transporte toujours avec elle le «Bilan-héritage» ( voir explication dans le chapitre IV de la loi du Karma) durant toute vie. Indestructible après la mort elle continue à emporter avec elle un patrimoine comme dans **la transmission d'un héritage** à travers le cycle de transmigration pour préparer un nouveau Regroupement (vie) respectant la loi du Karma et en fonction (parfaitement équitable) de la valeur et du poids de son héritage.*

De son vivant, l'humain avait toujours la possibilité de corriger, de modifier son Karma par sa volonté, par ses propres moyens physiques et psychiques mais au moment de la mort le principe de l'équité des lois de la nature ne le permet pas d'attendre et n'admet pas le

miracle provenant d'une intervention divine ou même de Bouddha.

Dans le Bouddhisme, on n'a pas abordé cette notion de cause substantielle entre énergie et matière mais celle de ***l'Energie Psychique (Ep)*** dans le cycle du Samsara; *elle est la cause, l'origine du regroupement des autres éléments empruntés pour, au terme d'une transmigration, permettre la fusion du spermatozoïde et de l'ovule puis les divisions cellulaires... afin d'aboutir à l'être humain suivant la loi du Karma*, et en même temps, durant la croissance du fœtus, elle conduit le développement des *autres énergies vitales et de la conscience*, qui seront soumises à des fluctuations assez importantes au cours de toute vie.

**(Ep) l'Energie Psychique** fait partie du «*soi*» **indestructible** et porte d'autres noms suivant les traductions: le **continuum - énergie** ou **conscience subtile**

*Pourquoi n'arrive-t-on pas à se souvenir du passé avant sa naissance ?*

Il est logique de constater qu'il est déjà très difficile pour nous de nous rappeler les souvenirs de notre enfance (**E**); quand une partie des informations du passé est encore vivante dans notre mémoire au moment de la naissance, il nous manque encore le langage, la sémantique du langage, les termes adéquates etc... pour nous faire comprendre, au fur et à mesure que le temps passe, les besoins pour survivre comme l'alimentation, l'adaptation mentale et physique à de nouvelles situations changeantes en permanence nous éloignent doucement mais inexorablement des données du passé qui, en devenant encombrants et inutiles dans la mémoire (sauf les avatars de son espèce... comme l'instinct de reproduction...), n'ont plus d'intérêts immédiats durant cette période de croissance.

*Cet oubli du passé correspond parfaitement au respect de l'Equité et de la Liberté des lois de la Nature car sans cette condition la conduite de l'humain sera dictée par son passé et non pas décidée par son entière responsabilité, **accomplie en plein conscient** dans sa totale liberté.*

(à suivre)



## LE SUTRA DES RECITS MERVEILLEUX EXPOSANT LES CAUSES CONDITIONNEES

(Kinh Vị Tăng Hữu thuyết nhân duyên)

Traduit du Sanskrit en Chinois par le Grand Maître  
des Trois Recueils Thích Đàm Cảnh à l'époque

Tiêu Tề

\*

Traduit du Chinois en Vietnamien par le  
Très Vénérable Thích Phước Bình

\* Traduction française: Bhikṣuṇī Linh-Hào,  
Upāsikā: Diệu-Phương

(Suite)

**A**près avoir entendu les enseignements de l'Ermite, la veuve changea d'idée en lui demandant: «Dans ce cas-là, quelle est la méthode efficace pour supprimer les péchés?».

L'Ermite répondit: «L'esprit pensant du moment précédent produit l'intention non-vertueuse semblable à une nuée couvrant la lune. L'esprit pensant du moment suivant produit l'intention vertueuse semblable à une torche détruisant l'ombre. Aujourd'hui vous avez la bonne intention d'éliminer les péchés, c'est très bien. Il y a une méthode toujours efficace, pour laquelle non seulement vous n'avez pas besoin de dépenser un sou, ni d'endurer une petite souffrance, cette méthode peut supprimer vos péchés entièrement pour que dans la vie actuelle, vous soyez en paix, et que la vie prochaine dans n'importe quel monde où vous renaîtrez, vous ayez toujours en vous des vœux vertueux».

La veuve Devi exulta de joie comme un amnistié après avoir entendu l'accord d'amnistie. Sa panique n'exista plus. Elle se leva avec les mains jointes, puis se prosterna respectueusement devant l'Ermite. Ensuite, elle ordonna à ses domestiques de préparer un haut siège bien paré d'un coussin en soie de valeur, puis brûla des encens parfumés et éparpilla de belles fleurs en sollicitant l'Ermite de monter sur le siège.

Après avoir fait venir plus de cinq cents proches et domestiques, la veuve circumambula<sup>62</sup> avec eux autour de l'Ermite pour montrer leur vénération. Elle baissa la tête en gardant les mains jointes et dit à l'Ermite respectueusement.

«Suivant vos précieux enseignements, je suis très heureuse d'avoir pris connaissance qu'il y a une méthode efficace pour effacer les péchés, mais je ne

comprend pas clairement. Pour nos bienfaits pouvez-vous nous enseigner plus précisément cette méthode pour que nous puissions pratiquer correctement?»

L'Ermite dit: «Les causes principales des péchés sont venues par les trois portes: le corps, la parole et l'esprit.

- Le corps commet trois actions non-vertueuses qui sont: tuer, voler, et la concupiscence.

- La parole commet quatre actions non-vertueuses qui sont: mentir, calomnier, proférer des paroles blessantes ou grossières et se complaire dans le bavardage inutile.

- L'esprit commet trois actions non-vertueuses qui sont: la jalousie ou l'envie, la colère ou l'orgueil et la vue erronée.

Ce sont les dix actes non-vertueux. Ceux qui sont empêtrés dans ces dix actes, doivent recevoir en retour de mauvaises rétributions.

Vous devez concentrer votre esprit pensant sur le repentir en faisant le vœu sincère qu'à partir de ce moment jusqu'à vos vies prochaines vous ne vous empêtriez plus en ces dix actes non-vertueux. Quoique dans la vie actuelle vous ayez commis de tels péchés, votre regret sincère peut les éliminer. Vous pouvez aussi vous mettre à la place des ancêtres, des parents, des frères et soeurs, des maris ou femmes<sup>63</sup>, des enfants etc... pour vous repentir à leur place de toutes les erreurs qu'ils ont commises en disant que vous renoncez aux mauvaises conduites et cultivez de bonnes conduites pour que vous puissiez leur dédier les mérites et vertus pour que tous les êtres sensibles qui sont en train d'endurer des misères puissent obtenir la paix, le bonheur. Vous pouvez aussi faire le vœu d'endurer des misères à leur place, si ces êtres ont commis des péchés.

Enfin, vous pouvez répéter ce vœu: «Aujourd'hui je fais le vœu d'abandonner toutes les mauvaises conduites en cultivant de bonnes conduites. Grâce à ces causes et conditions, dès que cette vie prendra fin ainsi que lors de toutes mes vies prochaines jusqu'au moment où je deviendrai Bouddha, je rencontrerai toujours des maîtres sagaces (minh sư, vn.) et des amis spirituels. Je fais aussi le vœu d'avoir la longévité et le bonheur auprès de mes parents, mon époux(se) mes progénitures et les six lignées de proches<sup>64</sup> qu'ils soient unis, éprouvent de l'affection et de l'amitié

<sup>62</sup> **Circumambuler:** Action de faire le tour d'un être Saint comme le Bouddha, d'une statue le représentant, d'un objet sacré tel un stūpa, un temple. Habituellement la circumambulation s'effectue en tournant vers la droite, dans le sens des aiguilles d'une montre.

<sup>63</sup> **Les maris et les femmes,** les enfants, les proches de plusieurs existences précédentes.

<sup>64</sup> **Six lignées de proches :** Les six lignées de membres familiaux sont: **1. Les plus âgés :** Les parents, les grands-parents, les arrière grands-parents. **2. Les plus jeunes :** Les enfants, les petits-enfants, les arrière petits-enfants.

réciroquement et que je n'ai point de malheur, de souffrance comme aujourd'hui».

L'Ermite continua: «Voilà, la méthode efficace pour se repentir».

Immédiatement, la veuve Devi et tout le monde joignirent les mains, se prosternèrent devant l'Ermite en demandant:

« Nous obéissons à vos enseignements, nous les suivrons exactement pour éradiquer nos péchés. Mais nous voulons vous demander encore: Y-a-t-il une autre méthode à pratiquer pour cultiver des vertus?».

L'Ermite répondit: «Vous devez prendre refuge auprès des Trois Joyaux de façon sincère. Répétez trois fois après moi: 'Je prends refuge en le Bouddha, le Dharma, et le Sangha'.

Maintenant, vous pouvez recevoir les dix préceptes. Répétez après moi: «Je suis... (nom), à partir d'aujourd'hui jusqu'à la fin de ma vie, je fais le voeu de ne pas tuer, ne pas voler, ne pas avoir un comportement sexuel déréglé qui sont des mauvaises actions du corps.

Je fais le voeu de ne pas mentir, calomnier, proférer des paroles blessantes et me complaire dans le bavardage inutile qui sont des mauvaises actions de la parole.

Je fais le voeu de renoncer au désir, la colère et les vues erronées qui sont des mauvaises actions de l'esprit.

Voilà! la méthode des dix actes-vertueux.

\*

Après avoir reçu les préceptes des dix actes-vertueux qui furent transmis par l'Ermite, la veuve et ses proches se réjouirent en pensant à les pratiquer de tout coeur. Ensuite, Devi prépara un repas copieux et des objets précieux pour en faire offrande au maître, puis, joignit les mains, s'agenouilla devant l'Ermite en lui disant :

«Je sollicite votre grande compassion de nous éduquer plus souvent. C'est pour cela que je veux vous offrir un palais à côté de nous selon votre désir pour que je puisse vous servir toute ma vie en montrant ma reconnaissance envers vos bienfaits».

L'Ermite répondit: «Maintenant vous pouvez renoncer à la voie erronée (cải tà quy chánh, vn.) en recevant les préceptes des dix actes-vertueux, vous deviendriez l'enfant du Roi de la Loi (Dharmaraja, skt. - pháp vương, vn.). Alors, à votre tour vous devriez enseigner ces dix actes vertueux aux autres pour qu'ils connaissent la Vraie Loi. C'est le moyen le plus efficace pour témoigner votre gratitude envers les bienfaits des Maîtres. Vous pouvez vous sauver, je n'ai pas besoin de rester ici plus longtemps. J'ai besoin d'aller ailleurs pour éduquer autrui ».

La veuve Devi comprit que le Maître ne voulait pas rester, elle prépara un char à cheval contenant

des objets précieux qui était dans son stock pour l'offrir en espérant qu'il les accepte. Mais, une fois de plus, l'Ermite refusa, se retira en remerciant la veuve tandis que Devi baissa la tête en pleurant avec un regret profond.

\*

Après le départ du Maître, la veuve Devi pensa intérieurement: *'Le retour du bonheur de vivre aujourd'hui, n'est-il-point venu de l'initiative du Grand Maître? Le bienfait de ses enseignements ne peut pas être rendu par des offrandes ou par des services. Comment fais-je maintenant?'* La veuve laissa couler les larmes en se rappelant les derniers enseignements du Maître. Depuis lors, la veuve Devi et plus de cinq cents personnes, pratiquèrent la méthode des dix actes vertueux correctement et utilisèrent cette méthode pour enseigner aux uns et aux autres pendant longtemps en témoignant de leur reconnaissance envers le souhait du Maître.

Peu de temps après, ce pays fit face à la mauvaise récolte. Le peuple n'avait pas assez de nourriture. Les aliments étaient trop chers.

Cependant il y avait cinq Bhikṣu paresseux, qui négligeaient les devoirs religieux, ne maintenaient pas les enseignements de la doctrine, ne pratiquaient pas les disciplines morales ainsi que les préceptes monastiques. C'est précisément pour ces raisons que les laïcs ne leur faisaient pas d'offrandes. Ils étaient tombés dans un état malheureux et n'avaient pas de moyens de subsistance.

Ils discutèrent entre eux: *'Pour survivre, il faut trouver un moyen. Parfois, il faut se déguiser sous plusieurs formes parce que le corps humain est très précieux, il est illogique de devoir mourir de faim inutilement'*.

En conclusion, ils jouèrent le rôle de Bhikṣu mendiants. A la fin, ces cinq faux Bhikṣu avaient assez de coussins, de hamacs, alors ils balayèrent une partie d'un champ vide et répandirent, étendirent des fleurs. Ils n'oublièrent pas de décorer le lieu avec des étendards éclatants et de s'y assoir en ordre de façon sérieuse semblable à l'allure méditative. En réalité, ils cachaient en leur for intérieur une ruse pour tromper les êtres. Le peuple pensa qu'ils étaient des vrais Saints et apportèrent plusieurs sortes de nourritures pour leur faire offrande. Alors, ils gagnèrent leur vie aisément, abondamment, oisivement.

En entendant qu'il y avait cinq bhikṣu, la veuve Devi ordonna à ses servants de chercher nouvelle. En entrant, le messenger dit: «Il y a cinq Saints qui demeurent isolés dans un champ et le peuple les sert comme il servirait des Deva».

Cette nouvelle réjouit la veuve. Elle se dit: *'Mon voeu est accompli'*. Le lendemain matin, elle demanda à ses domestiques de préparer des chars à

chevaux, emplis d'encens, de fleurs, de musique et cent sortes de nourriture pour visiter ces cinq bhikṣu. Une fois arrivée, elle baissa la tête respectueusement en leur offrant un repas copieux.

Quand le repas fut fini, la veuve et ses proches joignirent les mains en disant:

«Chers Maîtres! Vos qualités pratiquantes sont si grandes. Vous êtes le champ des bienfaits suprêmes, sur lequel les êtres animés peuvent s'appuyer. A mon humble idée, Je vous en prie, Grands Maîtres, permettez-moi de vous inviter à venir chez moi pour que je puisse témoigner de ma sincérité. Là-bas il y a aussi un jardin fruitier, un ruisseau pur, un étang propre, prêts servis selon vos besoins. Je vous demande par grande compassion d'accepter mon invitation pour que mon vœu soit accompli».

La veuve Devi et son personnel se prosternèrent devant ces cinq bhikṣu paresseux deux, trois fois en persistant dans leur invitation. Alors, les cinq bhikṣu l'acceptèrent en se rendant compte de leur sincérité. La veuve fut heureuse de rentrer chez elle, en ordonnant tout de suite de préparer des chars précieux pour pouvoir accueillir ces bhikṣu à la cérémonie d'offrande.

La veuve Devi possédait un terrain de dix hectares carrés, qui ne se trouvait pas loin de son domicile. Dans ce terrain il y avait une source d'eau limpide, un étang propre, des fleurs parfumées et de bons arbres fruitiers. Au milieu du terrain il y avait aussi une grande maison en sept matières précieuses où volaient des pinsons, des pigeons, des moineaux. Cette maison était bien meublée, de lits, de matelas et de coussins propres, parfumés, pour l'offrir aux cinq bhikṣu, qui s'y installèrent en permanence.

La veuve leur servait à manger, des médicaments, c'est-à-dire toutes choses durant quatre saisons sans faute, avec joie.

Ces bhikṣu recevaient les offrandes tranquillement en pensant: *'Y-a-t-il une autre condition de vie paisible qui équivaut à la nôtre actuellement? En tant qu'être humain, il faut travailler dur pour subvenir aux besoins nécessaires, surtout en cas d'indigence. Quoique des êtres trouvent satisfaction, leurs méthodes ne sont pas aussi intelligentes que la nôtre, parce que nous n'avons pas besoin de gaspiller nos forces pour gagner notre pain, et pouvons bénéficier du bonheur et de la rétribution de la dignité (phước lộc). Ces avantages sont-ils les produits de notre sagesse(!)?»*<sup>65</sup>

<sup>65</sup> **Cette phrase évoque la sagesse malicieuse:** La sagesse de tromperie n'est pas la « sagesse », elle est la cause des huit adversités, qui sont: **1.** Renaître

En examinant la donatrice les traiter avec égard, ils déduirent: *«Bien que la donatrice fasse offrande au quotidien à notre guise, nous pouvons devenir riche, mais nous nous souvenons des années malheureuses de privation de nourriture, ce qui ne nous rassure pas. Il faut nous dépêcher de trouver encore une autre astuce en nous procurant une fortune à garder dans les années qui viennent pour profiter des cinq désirs»*<sup>66</sup>.

Après avoir discuté, ces cinq bhikṣu mirent en place un autre stratagème. L'un d'entre eux se rendit au village pour annoncer la nouvelle qu'il y avait quatre ermites qui perfectionnaient strictement les commandements nobles, ne mangeaient ni de viande ni d'alcool, ni d'oignon ni d'ail, n'observaient que le calme mental (samatha, skt. - thiền chí, vn.) et la vue profonde (vipassanā, skt. - thiền quán, vn.), acquerront bientôt l'état d'esprit sans souillure (anāsrava, skt. - vô lậu, vn.), seront des méritants (Arhat, skt.), et des champs de bienfaits supérieurs en ce monde, certainement».

Ayant entendu ces paroles, les êtres se rassemblèrent en grand nombre pour apporter de la nourriture et de l'argent pour les offrir pendant plusieurs années, tandis que la veuve Devi continuait à leur faire offrandes infatigablement et avec joie respectueusement. C'est précisément pour cette

---

dans les enfers. **2.** Renaître en tant qu'esprit affamé. **3.** Renaître en tant qu'animal. **4.** Renaître dans l'Uttarakuru (un monde où la vie est si agréable que les êtres perdent toute motivation à pratiquer le Dharma). **5.** Renaître dans un royaume céleste où la durée de vie est longue (là encore la motivation de rechercher le Dharma est difficile). **6.** Renaître avec des facultés diminuées. **7.** Etre doté de qualités d'intelligence et de conditions d'éducation dans le sens mondain, la conséquence étant souvent le mépris de la religion et du Dharma. (*C'est précisément pour cette raison que l'être ne sera pas libéré*). **8.** Renaître dans une période intermédiaire entre un Bouddha et son successeur (ex. notre période actuelle). Ainsi une renaissance même dans des circonstances favorables, peut nuire à la pratique du Dharma (4<sup>ème</sup> ou 7<sup>ème</sup> condition) [Selon Bouddhisme Sagesse et Foi du Très Vénérable Thích Thiên Tâm, p. 275. (Relu et révisé pour le bien des êtres - 2010 par Ed. spéciale Amitābha Terre Pure - France)].

<sup>66</sup> **Les cinq désirs ou les cinq flèches:** La forme, les sons, les odeurs, les saveurs, les textures sont les désirs du Monde du Désir. Si les êtres du Monde du Désir (les animaux, les êtres humains, les êtres célestes) ne peuvent pas soumettre leur cinq sources internes qui sont l'oeil, l'oreille, le nez, la langue, le corps, et s'adonnent librement à ces cinq désirs, ils s'écartent de la bonne base fondamentale (du corps, de la parole et de l'idée), et tomberont en les voies maléfiques. (Dictionnaire des termes bouddhiques, p. 380-390, Đoàn Trung Cộn).

raison, qu'à la fin de sa vie, la veuve pris renaissance au Ciel de Sunirmita-nimanarati<sup>67</sup>.

Quand à ces cinq bhikṣu, à cause de l'avidité, de la paresse, de la tromperie, à la fin de leur vie, ils pénétrèrent directement en enfer en y endurant des rétributions malheureuses incalculables pendant huit cents millions de kalpa.

Dès que les tourments en enfer se terminèrent, ils durent renaître au monde des esprits affamés (Preta, skt.) pour une durée de huit mille kalpa.

Ensuite, ils prirent renaissance au monde de l'animalité sous la forme de gros bétails pour rembourser leurs dettes, qui étaient de la nourriture, de l'argent, du confort de façon abusive, déraisonnables dans leurs vies précédentes envers tous les donateurs concernés.

Cela dépend de l'influence bénéfique des donateurs qui attirent des causes composées karmiques des profiteurs, chacun à tour de rôle doit prendre le corps de chameau, d'âne, de buffle, de boeuf, ou de cheval en utilisant sa propre force physique pour acquitter sa dette envers chacun péniblement. Ces supplices perdurent probablement huit mille vies consécutives, ou bien jusqu'au moment où leur peine animale finira, ils pourront prendre de nouveau le corps humain, mais seront obtus, niais, ou hermaphrodites. C'est pour cette raison qu'ils seront appelés des «femmes de pierre».

Dès lors à l'avenir, ces «femmes de pierre» devront subir une durée de huit mille années d'utilisation de leur force physique pour rembourser leurs dettes envers des patrons et jusqu'à maintenant, les dettes de ces «femmes de pierre» ne sont pas entièrement acquittées».

Le Bouddha dit au Roi Prasenajit: «La veuve Devi de l'époque est la Reine actuelle. L'Ermite est le Vénérable Mahā Maudgalyāna. Les cinq Bhikṣu négligents, profiteurs sont les cinq « femmes de pierre » du groupe « Phiëndela » qui portent le filange de la Reine ».

Le Roi demanda ensuite au Bouddha: «Honoré du Monde! Vous avez dit qu'il y a cinq personnes, mais je ne vois que quatre porteurs. Où est le cinquième?».

Le Bouddha répondit: « Ah, le cinquième est celui qui est dans le palais, il nettoie les lieux d'aisances, et jette les excréments ».

Après avoir entendu le dévoilement du Bouddha, la Reine eut la chair de poule d'effroi. Elle se leva brusquement avec les mains jointes en demandant au Bouddha:

«Honoré du Monde! Votre dévoilement m'a beaucoup effrayé. Je ne savais pas que ces «Phiëndela» étaient mes Maîtres des vies précédentes. Je crains d'avoir commis des offenses. Pourquoi? Parce que relativement aux Maîtres, au lieu de les respecter, de me prosterner devant eux, je leur commande de porter le filange comme à des buffles ou des chevaux. J'ai peur de transgresser des péchés majeurs. Je vous en prie, Honoré du Monde, par pitié, enseignez-moi une méthode pour me repentir».

Le Bouddha dit à la Reine: «Dans ce cas, vous n'avez pas commis de péchés. Vous avez cultivé des mérites et des vertus au début. Pourquoi avez-vous peur? Les êtres animés n'ont pas les mêmes natures caractéristiques, c'est pour cela que leurs formations karmiques sont aussi différentes. S'ils ont cultivé des bienfaits, ils bénéficient de mérites. S'ils ont cultivé des mauvaises actions, ils recevront des malheurs. Dans vos vies précédentes vous aviez l'esprit pur, sincère, et vous aimiez cultiver de bonnes conduites. Ces causes conditionnées principales ont attiré sur vous le pouvoir de rencontrer de bons Maîtres-spirituels dans le continuum de vos vies précédentes qu'importe où vous ayez pris naissance. De plus, vous leur avez obéi en appliquant leurs enseignements de façon parfaite, sans fatigue jusqu'à cette vie, où vous avez la bénédiction de rencontrer le Bouddha qui se manifeste au monde spontanément.

De surcroît, vous ne négligez pas d'écouter la Doctrine Authentique en la perfectionnant sérieusement. Tous ces faits sont produits grâce aux mérites et aux vertus des vies précédentes. Vous n'avez commis aucune faute.

Quant à la «bande de Phiëndela», ces bhikṣu négligents doivent s'acquitter des effets à propos des causes initiales qu'ils ont créées, qui ont été malhonnêtes, malicieuses, en profitant des offrandes.

La Reine dit: «Honoré du Monde! Votre explication sur l'origine karmique et sa cause conditionnée aujourd'hui m'a beaucoup éclairci. Je n'ai plus peur, mais ne sais pas quand seront terminées leurs mauvais effets karmiques? Je veux leur pardonner et n'ose plus les commander. Ils peuvent partir d'ici librement, et chercher ailleurs selon leur souhait. Je vous prie, Honoré du Monde de leur enseigner, de les initier pour qu'ils comprennent la bonne voie en venant à résipiscence afin d'échapper aux malheurs».

Le Bouddha dit à la Reine: «Très bien! Si vous souhaitez que Je les initie, faites venir le nettoyeur du cabinet d'aisances au Palais Royal».

Immédiatement la Reine ordonna à son personnel de faire venir le cinquième. En un instant,

<sup>67</sup> **Sunirmita-nirmanarati:** Ciel de transformation, contrôle de ses propres désirs (5<sup>ème</sup> des 6 ciels du Désir). Revoir Triloka n° 5.

le groupe « Phiëndela » de cinq personnes était déjà devant le Bouddha. Avec grande compassion, l'Honoré du Monde utilisa des paroles compatissantes pour les consoler en demandant :

« Mes enfants ! Est-ce que vous êtes en bonne santé ? Avez-vous la joie, la paix et n'avez-vous pas de soucis? ».

Immédiatement, ces cinq personnes se levèrent en colère en criant :

« Honoré du Monde ! Effectivement, vous ne connaissez pas la bonne circonstance. Pourquoi? Jour et nuit, nous ne supportons que des malheurs, des travaux pénibles. De plus nous subissons les ordres, sommes brutalisés sans cesse. Où se trouve la paix, la joie? N'est-ce point que vous ne connaissez pas toutes ces peines en nous demandant encore si nous avons la joie, la paix? ».

Le Bouddha enseigna: « Les malheurs d'aujourd'hui sont procurés par l'esprit impur, la tromperie, la flagornerie, la malhonnêteté, la négligence et l'abus des offrandes. Ces mauvaises actions sont les causes composées qui attirent des rétributions malheureuses, vous devez tout rembourser depuis un grand nombre de vies et maintenant ce n'est pas encore fini. Si vous voulez échapper à ces rétributions malheureuses, il vous faut vous repentir de façon sincère en faisant le vœu de renoncer totalement aux conduites négatives et de cultiver des conduites positives. Grâce à cet esprit pensant sain vous pouvez quitter cette fatalité ».

Dès que le Bouddha eut fini parler, ces « Phiëndela » s'emportèrent brusquement. Ils tournèrent le dos à l'Honoré du Monde, cachèrent leurs oreilles, ne voulaient plus l'écouter.

Immédiatement, le Bouddha utilisa le pouvoir divin en manifestant un Bouddha Incarné devant eux, usa plusieurs moyens de les exhorter, et conseiller tout en donnant des explications pour qu'ils puissent manifester le regret à propos des péchés qu'ils ont créés. Tout de suite, ils tournèrent la tête vers l'Est, le Bouddha Incarné se présenta en face à l'Est. Ils tournèrent la tête à l'Ouest, le Bouddha Incarné se présenta aussi à l'Ouest, puis, dans les quatre orientations, le haut et le bas, où qu'ils tournent la tête, ils ne virent que le Bouddha devant eux. Tout de suite ils hurlèrent: « C'est vrai, nous sommes les coupables, les ingrats, les méchants. Vous connaissez déjà nos misères alors, pourquoi voulez-vous nous affliger, nous torturer encore ? ».

Alors, l'Honoré du Monde retira tous les Bouddhas Incarnés en disant au Roi Prasenajit, à la Reine Mère et à la communauté du Saṅgha: « Vous tous! Est-ce que vous voyez ce groupe de « Phiëndela »? »

Tout le monde dit: « Oui, Honoré du Monde! Nous les voyons ».

Le Bouddha continua: « Vous devez savoir que les actes motivés (tôi nghiệp, vn.) des êtres ont deux sortes d'obscurcissements (āvaraṇa, skt. - chướng, vn.). Quels sont-ils? »

1) **L'obscurcissement du karman** (karmāvaraṇa, skt. - nghiệp chướng, vn.).

2) **L'obscurcissement passionnel** (kleśāvaraṇa, skt. - phiền não chướng, vn.).

Ceux qui ont des obscurcissements passionnels sont la catégorie mineure.

Ceux qui ont des obscurcissements du karman sont la catégorie majeure. Mais ces « Phiëndela » ont les deux catégories, et à cause de leurs péchés obscurs épais, ils ne veulent même pas écouter les enseignements du Bouddha. Comment faire alors?

La Reine Devi se sentait triste, désolée quand elle vit clairement que ces « Phiëndela » ne voulaient pas écouter les enseignements de l'Honoré du Monde. Elle dit à ces cinq personnes:

« Vous connaissez très bien toutes les causes conditionnées de vos vies précédentes. Moi aussi. Dès maintenant vous êtes libres, vous pouvez partir d'ici, demeurer où vous voulez. Je vous libère. Ne vous inquiétez plus ».

Rapidement, ces cinq personnes s'agenouillèrent devant la Reine en pleurant et dirent: « Nous prions Sa Majesté la Reine, nous sommes cinq et avons le devoir de servir Sa Majesté le Roi et Vous, quelles erreurs avons-nous faites pour que vous nous mettiez à la porte? Si par mégarde nous avons commis des erreurs, nous vous prions de nous pardonner. Par pitié, laissez nous vous servir comme avant ».

La Reine refusa plusieurs fois, mais ces cinq personnes ne voulaient pas la quitter. Elle fut obligée de tourner la tête vers le Bouddha en disant:

« Honoré du Monde! Je suis prête à leur pardonner, mais ils ne veulent pas partir. Comment puis-je faire maintenant? ».

Le Bouddha répondit: « Leurs dettes des vies précédentes ne sont pas toutes remboursées. Vous n'avez pas besoin de faire quoi que ce soit. Laissez les faire leur devoir jusqu'au moment où ils pourront s'acquitter entièrement de leurs dettes, seront libérés naturellement ».

Profitant de cette occasion, le Bouddha enseigna:

« Sa Majesté le Roi! Supposons qu'un être cultive de bonnes conduites avec un esprit modeste et du respect, il obtiendra des vertus sans limite. Quoique le feu soit fort, il ne peut pas le brûler, l'inondation ne peut pas l'emporter, les voleurs, les bandits, les pirates ou même le pouvoir des Rois ne

peuvent pas l'ébranler. De façon analogue, est l'état bénéfique des vertus actuelles de la Reine.

Quant à ceux qui portent l'esprit souillé, l'esprit envieux, l'esprit abusif comme ces «Phiëndela», malgré qu'ils aient supporté maintes vies jusqu'à maintenant pour rembourser leurs dettes, leurs rétributions malheureuses ne sont pas finies. De plus, quoiqu'ils rencontrent le Bouddha qui s'est manifesté au monde, ils ne veulent pas écouter ses enseignements. Pour eux, les conseils précieux du Bouddha sont considérés comme le vent soufflant à l'extérieur de leurs oreilles.

Parce que la puissance d'influence de leur actes motivés les voile, ils produisent la haine et les reproches même envers le Bouddha. Ils sont complètement dans l'ombre, ne sachant pas quand s'en sortir».

Avec la grande compassion sans faille, le Bouddha expliqua aux Bhikṣu:

«J'ai déjà expliqué plusieurs fois: Avoir le corps humain est difficile. Rencontrer le Bouddha se manifester au monde est difficile. Ecouter les enseignements de la Doctrine Authentique est difficile et bénéficier de la longévité est aussi difficile.

Vous vous êtes appuyée sur les mérites des vies précédentes pour avoir pris naissance au monde humain et rencontré aussi le Bouddha se présenter en cette vie. De plus, vous pouvez écouter la Vraie Doctrine en l'acceptant de façon sincère. Vous avez aussi rompu les liens, le sentiment d'amour et avez le désir de vous séparer de vos proches, vos parents, vos frères et soeurs, votre épouse ou bien des six lignées de proches<sup>68</sup>.

Cette situation est semblable au prisonnier s'évadant d'un cachot. Vous devez renoncer à toutes les mauvaises actions en cultivant toutes les bonnes conduites sincèrement à partir de votre esprit jusqu'à vos comportements, et subjuguier l'avidité en connaissant le contentement. Ne poursuivez pas l'honneur et la renommée même si vous devez subir la faim, la soif. Vous devez étudier assidûment la Vraie Doctrine en perfectionnant la sagesse en vue d'accomplir parfaitement des actes sans souillure (nghiệp vô lậu, vn.) afin d'échapper rapidement à l'océan des renaissances et des morts.

Ensuite, utilisez la sagesse obtenue pour enseigner aux êtres en concordance avec les causes, les conditions, le niveau de connaissance de chacun d'eux pour qu'ils pratiquent les dix actes vertueux. Ceci est la signification intrinsèque de la phrase «se sauver soi-même et sauver autrui» laquelle correspond à la carrière de Bodhisattva».

(à suivre)

## ASSOCIATION CULTURELLE BOUDDHIQUE TUNG LAM LINH SON

18 les Bosnages, 87290 Rancon, France.

Tél: 05 55 60 21 60; 05 55 60 22 72

### Tâm Thư

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi: Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni và toàn thể quý Phật tử, thiện nam tín nữ.

Chư Tổ đã dạy: '*Phật pháp được trường tồn là nhờ có ngôi thế gian trụ trì Tam Bảo*'. Cõi nước nào có ngôi Tam bảo thì nơi đó đạo pháp mới được trường tồn vĩnh cửu, quy tụ hàng bầy chúng tu học, hành đạo và truyền bá chánh pháp.

Vì nhu cầu Phật sự cần thiết trong công trình hồng dương Phật pháp tại Tùng Lâm Linh Sơn (nơi cổ HT. Huyền-Vi sáng lập) nên chúng tôi đã phát tâm tu sửa lại ngôi nhà cũ kỹ trong đất Tùng Lâm thành ngôi khách xá để bốn chúng có nơi an nghỉ và tu học.

Nhờ hồng ân Tam bảo thùy từ gia hộ, công trình kiến thiết sẽ được tiến hành giữa tháng 9 năm nay (2014), có thể đến cuối năm tới (2015) công trình mới được hoàn tất, với tổng số chi ước tít khoảng 300 ngàn Euros.

Vì sự nghiệp hồng dương Phật pháp, lợi lạc quần sanh và sự trường tồn vĩnh cửu của Phật giáo, chúng tôi thiết tha kêu gọi sự ủng hộ của chư Tôn Đức Tăng Ni và quý Phật tử thiện nam tín nữ, kẻ công người của để khách xá sớm được viên thành. '*Cổ đức đã dày công thành tựu cho ta, chúng ta cũng nên cố gắng thành tựu lại cho người hậu thế*', đừng để Phật pháp bị mai một trong tay mình.

Nguyện hồng ân Tam bảo gia hộ chư Tôn Đức Tăng Ni pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ. Kính chúc quý Phật tử thân tâm thường lạc, phước thọ tăng long, tùy tâm mãn nguyện.

Nam mô Chứng Minh Sư Bồ Tát, Ma Ha Tát

Ngày 10/08/2014

Trụ Trì

TK. Thích Trí Thuỳên

- Ngân phiếu ủng hộ xin đề: '**Tùng Lâm Linh Sơn**'.

\* Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc: tunglamlinhson87@yahoo.com

<sup>68</sup> Les six lignées des proches : Revoir note n° 55.